

BÙI THỊ LÂM

MODULE MN

16

**CHĂM SÓC - GIÁO DỤC
VÀ ĐÁP ỨNG TRẺ
CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Ngày nay, với sự biến đổi nhanh chóng của thế giới và những yêu cầu mới của xã hội đối với sản phẩm giáo dục, đòi hỏi nhà giáo dục cần không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp để thực hiện tốt nhất các mục tiêu giáo dục cho trẻ em.

Trong điều kiện giáo dục mầm non Việt Nam hiện nay, năng lực phát hiện và cá biệt hoá với trẻ có nhu cầu đặc biệt đang là một nhu cầu cần phát triển cho các giáo viên mầm non. Module *Chăm sóc, giáo dục và đáp ứng trẻ có nhu cầu đặc biệt* được phát triển dựa trên các kiến thức, kĩ năng mà học viên đã có được từ module *Đặc điểm của trẻ có nhu cầu đặc biệt* và ứng dụng các kiến thức, kĩ năng đó vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non.

Hòa nhập không chỉ đơn thuần là việc đưa trẻ có nhu cầu đặc biệt vào trong các môi trường học tập có trẻ bình thường. Sự tham gia tích cực của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong các hoạt động giáo dục được xem là một trong các yếu tố đảm bảo thực hiện thành công giáo dục cho nhóm trẻ này.

Trong lớp học hoà nhập, trẻ có nhu cầu đặc biệt có thể gặp khó khăn trong học tập và trong việc tham gia các hoạt động cùng bạn bè. Những yêu cầu và điều kiện học tập tại lớp và biện pháp chăm sóc, giáo dục của giáo viên nếu không được điều chỉnh sẽ trở thành rào cản lớn đối với việc học tập của trẻ và trẻ sẽ không thể hoà nhập một cách hiệu quả và có ý nghĩa vào lớp học.

Việc đáp ứng nhu cầu phù hợp với sự khác biệt cá nhân của mỗi trẻ là cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh chương trình giáo dục ở môi trường hoà nhập. Để tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng được nhu cầu của từng trẻ, giáo viên cần chú ý tới các *khác biệt* giữa các trẻ em về mức độ phát triển, tốc độ phát triển, độ trưởng thành, trải nghiệm cá nhân, mối quan tâm và sở thích của trẻ, cách học tập.

Module này sẽ làm rõ các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu đặc biệt của các nhóm trẻ khác nhau ở độ tuổi mầm non (tập trung vào 3 nhóm trẻ là trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV và trẻ có năng khiếu/tài năng) dựa trên những khác biệt đã nêu trên.



B. MỤC TIÊU

1. KIẾN THỨC

- Hiểu được sự đa dạng của trẻ em về kinh nghiệm, khả năng, nhu cầu và mối quan tâm cá nhân, lợi ích và thách thức khi chăm sóc, giáo dục trẻ em có tính đa dạng;
- Giải thích được tầm quan trọng của việc hiểu rõ cá nhân từng trẻ và nhu cầu của trẻ;
- Phân tích được các biện pháp chăm sóc, giáo dục phù hợp với từng nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt như trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV/AIDS, trẻ phát triển sớm (trẻ có năng khiếu, tài năng).

2. KĨ NĂNG

- Lựa chọn được các biện pháp chăm sóc – giáo dục phù hợp với những điểm mạnh và điểm yếu của từng nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt;
- Áp dụng những biện pháp, kĩ năng đơn giản để thiết kế môi trường phù hợp cho từng nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt;
- Thực hành sử dụng các biện pháp chăm sóc giáo dục phù hợp cho trẻ các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt khác nhau trong môi trường giáo dục mầm non.

3. THÁI ĐỘ

- Tôn trọng sự đa dạng của trẻ em;
- Có hành vi ứng xử phù hợp trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.



C. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỰC HIỆN MODULE

- Học viên đã học xong module: *Đặc điểm của trẻ có nhu cầu đặc biệt.*
- Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo.
- Bảng hình tranh ảnh về trẻ có nhu cầu đặc biệt.



D. NỘI DUNG

Nội dung 1

TÌM HIỂU VỀ SỰ ĐA DẠNG TRONG PHÁT TRIỂN VÀ HỌC TẬP CỦA TRẺ EM (2 tiết)

Hoạt động 1: Tìm hiểu về sự đa dạng của trẻ em

1.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

Mỗi trẻ em là một cá thể riêng biệt do vậy các lớp học đều đa dạng. Lớp học đa dạng có những lợi ích tích cực với tất cả trẻ em. Trẻ em đều có kinh nghiệm, kĩ năng, kiến thức và thái độ khác nhau. Một đòi hỏi đặt ra đối với giáo viên là phải tôn trọng tất cả trẻ em và các phẩm chất của từng cá nhân trẻ, tìm hiểu và phát hiện những đặc điểm của mỗi trẻ, trên cơ sở đó xây dựng những hoạt động giáo dục cho phép các phẩm chất này được sử dụng và phát triển.

- * *Sự đa dạng của trẻ em có thể xuất hiện ở các khía cạnh:*
- *Sự đa dạng về mức độ và tốc độ phát triển:*

Trẻ phát triển ở các tốc độ khác nhau trong các lĩnh vực thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm xã hội. Có những trẻ có các kĩ năng xã hội tốt, trong khi những trẻ khác lại cảm thấy khó làm quen, tham gia hoạt động với các bạn. Một số trẻ có thể nói rất lưu loát với ngôn ngữ tình tế và tự tin; số khác chẳng bao giờ giơ tay xung phong trả lời hoặc không thể tìm ra được từ chuẩn xác để mô tả một kinh nghiệm đã trải qua. Trong khi một số trẻ có thể suy nghĩ nhanh và thực hiện được các nhiệm vụ học tập khá phức tạp, số khác lại không thể hoàn thành các nhiệm vụ nếu không có sự hỗ trợ nào.

Mỗi trẻ đều có tốc độ phát triển riêng của mình, đặc biệt với trường hợp trẻ khuyết tật, thời gian để lĩnh hội tri thức và kĩ năng mới lại càng có nhiều sự khác biệt. Ngoài ra, giáo viên cho dù có hướng dẫn cùng một nội dung thì vẫn có trẻ lĩnh hội được ngay nhưng cũng có trẻ chưa lĩnh hội được. Vì vậy, khi hướng dẫn, tổ chức hoạt động học tập cần chú ý đến sự khác nhau trong tốc độ phát triển của trẻ để sao cho không hạn chế sự phát triển của từng trẻ.

Trong cùng một nhóm trẻ khuyết tật thì cũng có rất nhiều mức độ khác nhau và nhiều nhóm nhỏ hơn. Do đó, cần phải cân nhắc tính cá biệt

trong quá trình giáo dục đối với mỗi khuyết tật khác nhau của trẻ. Chẳng hạn, trẻ khiếm thị có nhóm trẻ nhìn kém và nhóm trẻ mù.

Giáo viên cần hiểu rõ sự đa dạng trong sự phát triển ngôn ngữ, xã hội và cá nhân, nhận thức và vận động của trẻ. Nhờ đó, chúng ta có thể chuẩn bị các hoạt động học tập phù hợp hơn với các mức độ phát triển khác nhau của trẻ, và thúc đẩy sự phát triển của trẻ trong nhiều lĩnh vực. Chúng ta có thể sử dụng các kỹ năng và biện pháp đơn giản để hiểu rõ sự đa dạng trong lớp học và đáp ứng đúng mức nhu cầu của trẻ em bằng cách tạo cho trẻ cơ hội học tập theo khả năng, với sự tự tin và thành công.

– *Sự đa dạng về kinh nghiệm đã có:*

Mỗi trẻ đều có những khác biệt về hoàn cảnh gia đình, môi trường sống cũng như những kinh nghiệm thực tế. Điều này có nghĩa khi giáo dục cần phải cân nhắc đến sự khác nhau về kinh nghiệm của trẻ và hướng tới hoà hợp sự khác nhau đó ở trẻ.

Trẻ học bằng cách kết nối những thông tin mới với thông tin mà chúng đã biết

– *Sự đa dạng về sở thích:*

Sở thích và mối quan tâm của mỗi trẻ cũng có những sự khác nhau. Các hoạt động giáo dục phải dựa trên cơ sở đó và tập trung vào mỗi trẻ. Tuy nhiên, với trường học trẻ khuyết tật, do có kinh nghiệm thực tiễn khác biệt nên rất nhiều trẻ khuyết tật chỉ có những sở thích và sự quan tâm nhất định. Bởi vậy, giáo viên cũng cần lưu ý tới việc tạo lập và mở rộng sở thích, mối quan tâm của trẻ.

Giáo viên cần biết những gì có thể gây hứng thú cho trẻ. Hiểu được sở thích của trẻ em là một trong những cơ sở để chuẩn bị hoạt động giáo dục phù hợp, thu hút, lôi cuốn được sự chú ý của trẻ và phát triển các kiến thức, kỹ năng cho các em.

– *Sự đa dạng về hoạt động:*

Trong các hoạt động được tổ chức có rất nhiều trẻ không chịu ngồi yên, lặp đi lặp lại một hành động hoặc ngược lại có những trẻ chỉ ngồi yên một chỗ. Trong nhiều trường hợp, trẻ tăng động làm cản trở hoạt động học tập và rất dễ nhận ra nên rất nhiều giáo viên chỉ chú ý tới việc thu hút sự tập trung chú ý của trẻ đó mà quên đi những trẻ chỉ ngồi yên một chỗ. Do vậy, quá trình giáo dục cần quan tâm đến cả hai đối tượng trẻ

này và đưa ra những chỉ dẫn thu hút sự chú ý và mối quan tâm của cả trẻ tăng động và trẻ chỉ ngồi yên một chỗ.

– *Sự đa dạng về cách học:*

Tùy theo cách tiếp nhận các kích thích bằng thị giác, thính giác hay xúc giác hoặc sờ thích, mối quan tâm của trẻ mà mỗi trẻ sẽ có những cách học khác nhau. Giáo viên cần hiểu được ý thích, cách học khác nhau đó ở trẻ để từ đó phát triển được các hoạt động học tập đáp ứng nhu cầu của mỗi trẻ.

Một số trẻ dễ dàng tiếp thu thông qua hình ảnh, số khác thì thông qua nghe, và số khác nữa thông qua vận động. Tuy nhiên, có một số trẻ gặp khó khăn về nghe hoặc nhìn, do đó chúng không thể tiếp nhận được thông tin như những trẻ khác. Vì vậy, giáo viên cần tổ chức hoạt động sao cho hỗ trợ trẻ học thông qua nhìn, nghe, vận động, và khích lệ học tập bằng đa giác quan.

Việc hiểu rõ đặc điểm của từng trẻ và sự đa dạng trong lớp học là vấn đề quan trọng để giúp chúng ta: biết và hiểu về đặc điểm của từng trẻ và đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân của chúng; định hướng và hướng dẫn cho các hoạt động học tập thiết thực và có ý nghĩa; định hình các mối quan hệ tích cực với trẻ.

2.2. CÁC NHIỆM VỤ

* *Nhiệm vụ 1: Phân tích sự đa dạng của trẻ em.*

- Viết tên những trẻ em trong lớp của bạn có khả năng rõ rệt về các lĩnh vực phát triển và mô tả hình thức các em biểu hiện những khả năng này trong lớp học vào phiếu thực hành 1.1.
- Đọc phần thông tin cho hoạt động 1.
- Lấy ví dụ thực tiễn minh họa sự khác biệt giữa các trẻ em về: Tính cách và cá tính, khả năng học tập, kĩ năng xã hội, hoàn cảnh và kinh nghiệm sống, sở thích, sức khỏe...

* *Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tầm quan trọng của việc hiểu tính đa dạng của trẻ em.*

- Đọc phần thông tin cho hoạt động 1.
- Thảo luận theo cặp về tầm quan trọng của việc hiểu tính đa dạng của trẻ em.
- Rút ra các kết luận su phạm trong giáo dục cho trẻ em mầm non.

2.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu vắn tắt những đặc điểm đa dạng của trẻ em.

Câu hỏi 2: Tại sao việc hiểu rõ đặc điểm của từng trẻ và sự đa dạng trong lớp học là vấn đề quan trọng?

Câu hỏi 3: Giáo viên vận dụng hiểu biết về tính đa dạng như thế nào trong chăm sóc – giáo dục trẻ em?

Hoạt động 2: Phân tích những lợi ích và thách thức của lớp học có tính đa dạng

2.1. THÔNG TIN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG

* *Những lợi ích của lớp học đa dạng:*

– Đối với trẻ em:

Lớp học đa dạng có những lợi ích tích cực đối với tất cả trẻ em. Trẻ em với những kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, thái độ khác nhau đều có thể đóng góp bằng nhiều cách khác nhau cho lớp học.

Môi trường đa dạng là cơ sở cho sự hình thành mối quan hệ tốt đẹp giữa các trẻ em với nhau, hình thành những kỹ năng giao tiếp – xã hội, giúp trẻ em nhận thức về sự đa dạng của cuộc sống xã hội, hiểu đúng giá trị của mình và bạn bè, xóa bỏ sự cách biệt mặc cảm, xa lánh, để trẻ có trách nhiệm với nhau hơn, phát huy những điểm mạnh của cá nhân để đóng góp cho lớp học. Trẻ em cũng học được cách giúp đỡ lẫn nhau, trẻ có khả năng tốt hơn giúp đỡ các bạn khác cùng học tập, trẻ bình thường giúp đỡ trẻ khuyết tật...

Môi trường đa dạng sẽ khuyến khích mọi trẻ em tích cực suy nghĩ, chủ động tham gia các hoạt động học tập để tự khám phá và lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng, xây dựng thái độ và hành vi đúng đắn. Trẻ được tạo cơ hội và trở nên mạnh dạn, tự tin thể hiện ý tưởng, đặt câu hỏi cho bản thân, bạn bè và cô giáo.

Thông qua hoạt động cùng nhau trong môi trường đa dạng, trẻ tự học cách điều chỉnh cảm xúc, hành vi và thái độ bản thân phù hợp để có thể hoà nhập trong tập thể. Các kỹ năng giao tiếp và khả năng thích ứng được rèn luyện và phát triển tốt nhất, trẻ biết tự tôn trọng những giá trị của bản thân và biết tôn trọng người khác.

– *Đối với giáo viên:*

Những yêu cầu cần đáp ứng để đảm bảo một môi trường đa dạng tạo ra sự thay đổi cho giáo viên ở cả phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn. Để đáp ứng được nhu cầu đa dạng, đòi hỏi giáo viên phải thiết kế, tổ chức, hướng dẫn trẻ thực hiện các hoạt động học tập với các hình thức đa dạng, phong phú, có sức hấp dẫn phù hợp với nội dung giáo dục và phù hợp với trình độ của từng cá nhân trẻ nhưng vẫn đảm bảo các điều kiện cụ thể của trường lớp và địa phương. Giáo viên phải động viên, khuyến khích, tạo cơ hội và điều kiện cho trẻ được tham gia một cách tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình khám phá và lĩnh hội nội dung học tập; chú ý khai thác vốn kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng đã có của trẻ; bồi dưỡng hứng thú, nhu cầu hành động và thái độ tự tin trong học tập cho trẻ để giúp trẻ phát triển khả năng bản thân, điều này giúp phát triển kĩ năng và sự sáng tạo nghề nghiệp của người giáo viên.

Làm việc trong lớp học đa dạng cũng đề cao trách nhiệm và tình cảm của giáo viên với trẻ em. Để dạy học trong lớp học đa dạng đối tượng, đòi hỏi giáo viên phải quan tâm đến trẻ để tìm hiểu đặc điểm văn hoá, nhu cầu đặc biệt cần được đáp ứng và tìm cách truyền tải những quan điểm, thái độ tích cực của mình về yếu tố đa dạng của lớp học đến mọi trẻ em.

* *Những thách thức của lớp học đa dạng.*

Trong một lớp học hoà nhập có bao nhiêu trẻ có hoàn cảnh và năng lực khác nhau thì có bấy nhiêu khó khăn và thử thách. Những thách thức lớn nhất có thể cản trở trẻ học tập cùng nhau trong một môi trường đa dạng là nạn ức hiếp/bất nạt, định kiến và kì thị. Giải quyết những khó khăn này trong lớp học hoà nhập là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của người giáo viên.

– *Ức hiếp/bất nạt:*

Khi nói về nạn ức hiếp, bất nạt, chúng ta thường nghĩ ngay đến một đứa trẻ hay một nhóm trẻ đe dọa một đứa trẻ khác. Không chỉ có thái độ và hành vi của trẻ em, mà ngay cả của người lớn và các giáo viên cũng có thể được xem như biểu hiện của sự ức hiếp/bất nạt, với nhiều hình thức khác nhau như: Ức hiếp về thể chất như bị bạn hoặc giáo viên đánh; Ức hiếp về trí tuệ là khi những ý kiến của trẻ không được quan tâm hoặc không được coi trọng; Ức hiếp về tinh thần do trẻ bị buộc phải đánh giá thấp bản thân mình, bị quấy rối, bị chế giễu ở trường; Ức hiếp bằng lời

như bị gọi bằng một biệt hiệu mang tính kì thị, bị xúc phạm, thường xuyên bị trêu chọc...

Úc hiếp/bắt nạt thường là một dạng hành vi hung hãn có chủ ý và làm tổn thương người khác. Nếu không có sự giúp đỡ, những trẻ bị ức hiếp, bắt nạt thường khó có thể tự bảo vệ mình. Trẻ bị ức hiếp, bắt nạt thường không kể hoặc chia sẻ với ai việc mình bị bắt nạt, ức hiếp vì lo sợ rằng nếu nói ra các em sẽ bị bắt nạt, ức hiếp nhiều hơn. Tuy nhiên, những ảnh hưởng do bị ức hiếp, bắt nạt gây ra thường ảnh hưởng tới việc học tập và sự tham gia của trẻ trong lớp học. Quan sát khi trẻ chơi cũng như tham gia các hoạt động trong lớp học sẽ giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mà trẻ gặp phải như: trẻ có bị các bạn hoặc người lớn khác trong trường đánh, bị gọi bằng những tên xấu, chế giễu hoặc xúc phạm, bị từ chối khi tham gia vào trò chơi một cách có chủ ý...

– Kì thị và định kiến:

Kì thị và định kiến cũng là những rào cản đối với việc học của trẻ. Sự kì thị có liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau như giới tính (những quan niệm cho rằng các em nữ thường không giỏi khoa học), khả năng (quan niệm cho rằng trẻ em khuyết tật không thể chơi các môn thể thao), nguồn gốc xuất thân, hoàn cảnh sống...

Định kiến và kì thị có thể vô tình được thể hiện trong chương trình học tập và các tài liệu dạy học. Đây là trường hợp rất thường thấy với các em gái, với những trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS cũng như những em có hoàn cảnh và năng lực khác biệt. Ví dụ, trẻ sống và làm việc trên đường phố có thể được miêu tả trong các câu chuyện là những kẻ móc túi hoặc trộm cắp và những trẻ em phải lao động sớm thường được miêu tả là những người nghèo khổ, mặc dù các em cũng có thể có nhiều mặt mạnh như có các kĩ năng xã hội và khả năng sinh tồn tuyệt vời. Nếu các tài liệu có tính hoà nhập đối với trẻ em có hoàn cảnh và năng lực khác biệt, thì chúng càng phải nhạy cảm hơn với tính đa dạng của trẻ và hoàn cảnh của các em.

Giáo viên và trường học một cách vô tình có thể đã làm tăng các định kiến liên quan đến giới trong quá trình tổ chức hoạt động như quan niệm cho rằng một số trò chơi hoặc hoạt động chỉ dành cho trẻ trai hoặc trẻ gái. Là người giáo viên, một trách nhiệm rất rõ ràng đối với chúng ta là

tạo cơ hội cho tất cả trẻ cả trai và gái nhằm giúp các em học tập tốt nhất bằng khả năng của mình.

Ngày càng có nhiều trẻ em trên thế giới bị nhiễm HIV/AIDS từ mẹ ngay từ khi mới lọt lòng. Nhiều trẻ em khác có thể bị kì thị hoặc hoàn toàn bị loại trừ ra khỏi trường học bởi vì các em sống trong một gia đình có người có HIV/AIDS. Một ảnh hưởng khác của HIV/AIDS là nhiều trẻ em bị mồ côi do cha mẹ mất sớm vì AIDS và những em này có thể sống với ông bà, với người thân hoặc trở thành trẻ em đường phố.

Có hai vấn đề lớn mà các giáo viên gặp phải liên quan đến HIV/AIDS trong trường học. Thứ nhất là vấn đề sức khoẻ và y tế khi làm việc với những em có HIV/AIDS và những nhận thức sai lầm về căn bệnh và những người bị ảnh hưởng. Vấn đề thứ hai là làm thế nào để trả lời các câu hỏi của trẻ em về HIV/AIDS trong đó có các vấn đề liên quan đến tình dục, sức khoẻ tình dục và bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

Thái độ, hành vi bất công (kì thị và định kiến) trong trường học có ảnh hưởng đến các cá nhân trong lớp học cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống của người bị định kiến/kì thị.

- Một người có thể vừa là nạn nhân, vừa là người thực hiện những hành vi, thái độ bất công với người khác.
- Bất kì ai cũng có thể nhận ra những hành vi, thái độ kì thị và định kiến đối với họ thậm chí ngay từ khi còn nhỏ tuổi.
- Sự kì thị có thể có từ chương trình dạy học, phương pháp giảng dạy, tài liệu giáo dục, các mối quan hệ hoặc những khía cạnh khác liên quan trong môi trường học đường.

2.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Nêu những lợi ích của lớp học đa dạng.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 2.
 - Lấy ví dụ thực tiễn minh hoạ những lợi ích của lớp học đa dạng
- * *Nhiệm vụ 2: Nêu những thách thức của lớp học đa dạng và những biểu hiện của nó trong thực tiễn.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 2.
 - Thảo luận theo nhóm về những biểu hiện của các thách thức và ảnh hưởng của nó đến quá trình học tập của trẻ em.

2.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Theo bạn những lợi ích của một lớp học đa dạng là gì?

Câu hỏi 2: Theo bạn những thách thức của một lớp học đa dạng là gì?

Câu hỏi 3: Việc hiểu rõ những lợi ích và thách thức của lớp học đa dạng có ý nghĩa như thế nào cho công việc chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non?

Hoạt động 3: Tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu đa dạng trong lớp học

3.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

Người giáo viên đóng vai trò là người tạo điều kiện thuận lợi giúp trẻ em có môi trường học tập và cơ hội học tập tốt, giúp mọi trẻ em học tập một cách tích cực.

Chúng ta đã được biết rằng trẻ em học theo nhiều cách và ở những trình độ khác nhau. Chính vì thế mà với vai trò là người giáo viên cần phải tạo điều kiện để trẻ học tập theo nhiều cách khác nhau, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng sao cho tất cả trẻ em có thể học một cách có ý nghĩa, đặc biệt là với những trẻ em có hoàn cảnh và năng lực khác biệt.

Để tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ em trong lớp học, giáo viên cần xem xét cận kề về 3 phương diện: *nội dung, phương pháp* (cách tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học) và *môi trường học tập*.

- Về *nội dung*: Nội dung giáo dục và các chủ đề tổ chức cho trẻ khám phá cần phải gắn gũi với cuộc sống của trẻ em, và điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh sống của trẻ em. Các chủ đề giúp trẻ em học tập ở nhiều mức độ khác nhau phù hợp với khả năng của trẻ. Giáo viên cần đặt câu hỏi là các nội dung học tập đã quan tâm đến nhu cầu và khả năng, kinh nghiệm, sở thích, phong cách học tập, và hoàn cảnh sống của trẻ em chưa?

Giáo viên cũng cần xét đến những trẻ khuyết tật và trẻ có khả năng vượt trội. Giáo viên cần đặt câu hỏi là mình đã lập kế hoạch cho những trẻ gặp khó khăn và trẻ phát triển sớm tiếp cận với chương trình giáo dục chưa? Những nội dung nào cần điều chỉnh? Các nội dung hoạt động, vật liệu cho trẻ hoạt động có tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các nhóm trẻ khác nhau không? (Nhu trẻ trai và trẻ gái, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn..).

– Về phương pháp:

Khi tổ chức hoạt động ở lớp học để hoà nhập các em có nhiều dạng năng lực, chúng ta cần có phương pháp giúp những em này học một cách tốt nhất trong khả năng của các em, đặc biệt là những trẻ khuyết tật. Điều này đòi hỏi giáo viên cần hiểu được rõ hơn trẻ học tốt như thế nào, xem xét một số trở ngại đối với việc học tập của trẻ em.

Tạo cơ hội cho trẻ học tập một cách độc lập thông qua trải nghiệm, tương tác, rút kinh nghiệm và giao tiếp. Làm việc theo nhóm để chia sẻ ý tưởng và tìm cách giải quyết vấn đề là một yếu tố quan trọng trong hoạt động học tập tích cực của trẻ. Học nhóm có thể nâng cao kỹ năng xã hội, khả năng ngôn ngữ và sự phát triển của trẻ.

Một số gợi ý dưới đây sẽ giúp giáo viên hỗ trợ cho các trẻ em có gặp khó khăn trong học tập:

- + Chia các công việc và thực hiện theo từng bước có hướng dẫn.
- + Bắt đầu từ những việc nhỏ rồi phát triển dần lên. Khi dạy một kỹ năng, hãy chia nhỏ các công đoạn thành những đơn vị nhỏ hơn hoặc những hành vi nhỏ hơn rồi sau đó lắp ráp các phần lại thành tổng thể.
- + Giảm những phần khó. Chia các công việc từ dễ đến khó và chỉ cung cấp những chỉ dẫn cần thiết.
- + Đặt câu hỏi: Đặt các câu hỏi có liên quan đến quá trình (“làm như thế nào”) hoặc những câu hỏi liên quan đến nội dung (“cái gì”).
- + Hình ảnh: Tích cực sử dụng tranh ảnh hoặc trình bày bằng hình ảnh.
- + Hoạt động theo nhóm. Cung cấp các chỉ dẫn hoặc hướng dẫn cho các nhóm nhỏ trẻ em.
- + Hỗ trợ từ giáo viên và sự tham gia của bạn bè.

Ngoài ra, giáo viên có thể khuyến khích những trẻ em khác cùng có trách nhiệm với nhau trong quá trình học tập bằng cách xây dựng hình thức học tập theo cặp giữa một trẻ khuyết tật, trẻ có khó khăn với trẻ không có khuyết tật hoặc có khả năng tốt hơn. Chẳng hạn, hướng dẫn trẻ em không có khuyết tật hỗ trợ giúp bạn khuyết tật đi lại như đến thư viện, tới nhà vệ sinh... hỗ trợ bạn trong các trò chơi tập thể. Giảng giải cho các em thấy rằng các em cần phải bảo vệ người bạn khuyết tật của mình khỏi những mối nguy hại về thể chất hoặc lời nói.

- Về môi trường: Nhiệm vụ quan trọng của giáo viên khi tổ chức hoạt động đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ em là tạo môi trường học tập hòa nhập

và thân thiện. Trong đó bao gồm việc giúp cho tất cả trẻ em hiểu và chấp nhận sự đa dạng trong lớp học. Hãy nói chuyện với trẻ em về các dạng khuyết tật khác nhau đặc biệt là những dạng mà các em có thể nhìn thấy ngay trong nhà trường hoặc trong cộng đồng. Một cách để làm việc này là đề nghị một người lớn có khuyết tật tới thăm lớp học và nói chuyện với các trẻ em. Để có thể giúp trẻ không có khuyết tật chấp nhận những người bạn khuyết tật, hãy kể cho các em nghe những câu chuyện kể về những việc mà người khuyết tật có thể làm. Điều này, giúp xây dựng một mối quan hệ mà trong đó cả trẻ em khuyết tật và không khuyết tật đều có thể góp phần vào việc học tập của nhau.

Chúng ta cũng cần phân tích và tìm hiểu những tài liệu học tập như truyện kể, vật liệu hoạt động của trẻ em, đồ dùng, đồ chơi có xu hướng tạo ra thái độ thiên lệch và kì thị không chú ý ở trẻ?

Một trở ngại lớn đó là việc trẻ tự đánh giá thấp bản thân mình. Điều này hạn chế động cơ học tập của trẻ và có thể đã và đang làm ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển về mặt nhận thức cũng như về mặt xã hội của các em. Có thể giải quyết điều này nhờ cải thiện môi trường học tập. Môi trường này là nơi những lời khen ngợi phù hợp được dành cho những em học tập tốt, nơi mà các nhóm hợp tác và thân thiện được khuyến khích, nơi mà trẻ em biết rằng các em được quan tâm, chăm sóc, được hỗ trợ trong quá trình học tập.

3.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Chia sẻ kinh nghiệm của bản thân về tổ chức hoạt động đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ em:*
 - Thảo luận theo nhóm về những việc mình đã làm giúp cho trẻ em có nhu cầu đa dạng học tập tốt hơn và những việc mình đã làm cản trở việc học tập của các trẻ em có nhu cầu đa dạng.
 - Viết kết quả thảo luận vào phiếu thực hành 1.2.
 - Chia sẻ kết quả thảo luận của các nhóm với cả lớp.
- * *Nhiệm vụ 2: Phân tích những khía cạnh giáo viên cần quan tâm khi tổ chức hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ em.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 3.
 - Thảo luận theo nhóm và rút ra các kết luận sự phạm khi tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ em ở trường mầm non.

3.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu ngắn gọn vai trò của giáo viên khi tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ em.

Câu hỏi 2: Đánh giá sự phù hợp về nội dung, phương pháp và môi trường tổ chức hoạt động giáo dục của cơ sở mình công tác với việc đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ em.

Phiếu thực hành 1.1: Tính đa dạng của trẻ em

1. Hãy xác định những trẻ phát triển tốt ở các lĩnh vực sau:

Lĩnh vực phát triển	Tên trẻ	Biểu hiện
Thể chất		
Nhận thức		
Ngôn ngữ		
Tình cảm xã hội		
Thẩm mỹ		

2. Hãy xác định những trẻ gặp khó khăn trong các lĩnh vực sau:

Lĩnh vực phát triển	Tên trẻ	Biểu hiện
Thể chất		
Nhận thức		
Ngôn ngữ		
Tình cảm xã hội		
Thẩm mỹ		

Những trẻ có kỹ năng tốt ở lĩnh vực này có nhất thiết phải có kỹ năng tốt ở lĩnh vực khác không?

Có. Không.



Những trẻ gặp khó khăn ở lĩnh vực này có nhất thiết gặp khó khăn trong lĩnh vực khác không?

Có. Không.

Phiếu thực hành 1.2

Hãy viết kết quả thảo luận:

- Những việc bạn đã làm giúp cho trẻ em có nhu cầu đa dạng học tập tốt hơn vào cột có hình mặt cười.
- Những việc bạn đã làm cản trở việc học tập của các trẻ em có nhu cầu đa dạng vào cột có hình mặt mếu.

Nội dung 2

CHĂM SÓC – GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT (7 tiết)

Hoạt động 1: Chăm sóc – giáo dục trẻ khiếm thị

1.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

* *Đặc điểm của trẻ khiếm thị:*

- Việc tiếp thu thông tin từ thính giác và xúc giác phát triển song tiếp thu các thông tin đến từ thị giác bị hạn chế.
- Giám cơ hội học ngẫu nhiên, trẻ không thể tự khám phá về thế giới xung quanh mà cần có sự hỗ trợ đặc biệt để học và hiểu các khái niệm. Biểu tượng và khái niệm của trẻ khiếm thị mang tính chất hình thức, chấp vá và rời rạc. Tư duy hình tượng có nhiều hạn chế.
- Thường không chủ động giao tiếp với trẻ/người khác, hạn chế kĩ năng luân phiên, không liên hệ bằng mắt, không nhìn thấy những cử chỉ điệu bộ phi lời nói như vẫy tay, chỉ tay, gật đầu... Nhiều trẻ có xu hướng tách biệt, không muốn giao tiếp với mọi người, luôn cảm thấy thiếu tự tin, mất an toàn khi giao tiếp với trẻ khác.
- Về ngôn ngữ: sử dụng từ bị lặp, sử dụng ngữ điệu không hợp lí hoặc áp dụng sai nguyên tắc, có xu hướng sử dụng nghĩa của từ một cách quá hẹp hoặc quá rộng.
- Định hướng và di chuyển khó khăn. Sợ vận động vì cảm thấy không an toàn, không biết về những gì có xung quanh.

* *Điều chỉnh môi trường tổ chức hoạt động:*

- Môi trường bên trong của lớp học cần được sắp xếp vị trí các góc hoạt động gọn gàng, cố định nếu có sự thay đổi cần thông báo trước cho trẻ khiếm thị.
- Sắp xếp lớp học tạo được điều kiện thuận lợi cho trẻ mù đi lại dễ dàng, không bị quá nhiều cản trở và đặc biệt giáo viên nên sắp xếp chỗ ngồi của trẻ khiếm thị ở gần giáo viên để giáo viên có nhiều điều kiện chú ý đến trẻ hơn và thuận lợi khi quan sát các đồ dùng trực quan.
- Đảm bảo điều kiện ánh sáng tốt, theo dõi mức độ của tiếng ồn để giúp trẻ khiếm thị sử dụng thính giác có hiệu quả.

- Giáo viên cần chú ý sắp xếp vị trí hợp lý, đủ rộng và thuận tiện cho trẻ khiếm thị sử dụng các phương tiện trợ thị.
- Lựa chọn đồ dùng, dụng cụ trực quan kích thích các giác quan, phóng to hoặc làm tăng độ tương phản tranh ảnh, chữ.
- Vị trí của trẻ khiếm thị trong lớp học: để tiếp cận với giáo viên,...
- Sử dụng một số tín hiệu để giúp trẻ khiếm thị định hướng và di chuyển trong lớp.
- Sử dụng các thiết bị hỗ trợ cho trẻ: tranh khổ lớn, kính đeo mắt, đèn chiếu sáng, chuông gió, tay vịn...
- * *Điều chỉnh khi tổ chức hoạt động:*
- Tận dụng tối đa giác quan còn lại của trẻ trong khám phá và thực hiện các hoạt động.
- Thính giác giúp trẻ khiếm thị định hướng trong không gian, âm thanh cũng giúp trẻ phản ánh thuộc tính của các vật: kim loại, gỗ... Khuyến khích trẻ phát hiện tiếng động, âm thanh ở những thời điểm, vị trí khác nhau; so sánh các loại âm thanh qua các trò chơi, cho trẻ tập bắt chước nhịp điệu của một số âm thanh quen thuộc.
- Trong các hoạt động hàng ngày của trẻ ta cần chú ý kết hợp việc tận dụng khả năng của tất cả các giác quan để bù trừ cho khả năng thị giác đã bị thiếu hụt của trẻ.
- Thống nhất khi hướng dẫn một kĩ năng nào đó (cách dùng từ tránh để trẻ bị nhầm lẫn). Khi làm việc với trẻ, giáo viên nên đứng ở phía sau để hỗ trợ trẻ.
- Khi tổ chức hoạt động cần giải thích, mô tả đồ dùng hay hình ảnh đang sử dụng bằng ngôn ngữ ngắn gọn, dễ hiểu.
- Tổ chức các nhóm hoạt động cần đảm bảo rằng trẻ khiếm thị hiểu rõ về những gì đang xảy ra, trẻ sẽ phải thực hiện nhiệm vụ gì.
- Trẻ khiếm thị thường không nhận biết có người ở cạnh mình. Các em không thể nhìn thấy những người mà các em đó gặp. Khi bạn đang ở cạnh một đứa trẻ khiếm thị, hãy nói chuyện với em để em biết bạn đang ở đó. Hãy yêu cầu các học sinh khác trong lớp làm tương tự như vậy.
- Trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày, cần tập cho trẻ tự mặc quần áo, điều chỉnh cúc, khoá, tập cầm thìa, cầm bút, sử dụng một số đồ dùng đơn giản. Nên dạy trẻ từng bước: có thể để trẻ tự làm bước cuối cùng của

hoạt động trước để tạo cho trẻ có cảm giác thành công, trẻ tiếp cận dần với hoạt động, sử dụng lời hướng dẫn đơn giản.

- Một số trẻ khiếm thị rất rụt rè và thận trọng khi tham gia các hoạt động vận động nên trong các hoạt động thể chất cần có một số điều chỉnh nhỏ để phù hợp cho trẻ khiếm thị như dán thêm các loại băng màu vào đồ dùng để trẻ dễ nhận biết, phân biệt đồ vật với bề mặt sàn, các tấm thảm màu cũng có tác dụng khi sử dụng ở bề mặt nền tối màu...

1.2. CÁC NHIỆM VỤ

* *Nhiệm vụ 1: Trải nghiệm phát hiện những khả năng và khó khăn của trẻ khiếm thị.*

- Đóng vai là trẻ khiếm thị, thực hiện một số yêu cầu di chuyển hoặc nhận biết đồ vật gì đó.
- Mô tả cảm giác của bản thân khi thực hiện các hoạt động mà không nhìn thấy.
- Thảo luận về những khả năng và khó khăn mà trẻ khiếm thị gặp phải.

* *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ khiếm thị:*

- Đọc phần thông tin cho hoạt động 1.
- Chỉ ra những khó khăn điển hình của trẻ khiếm thị.
- Xác định các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ khiếm thị.

* *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ khiếm thị.*

- Các nhóm đóng vai cô giáo trong lớp học cùng với trẻ tổ chức hoạt động cho trẻ khiếm thị đi dạo ngoài trời.
- Thảo luận về các biện pháp hỗ trợ trẻ.
- Đóng vai, mô phỏng các biện pháp thực hiện.

1.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những khả năng và khó khăn của trẻ khiếm thị.

Câu hỏi 2: Nhận xét về những điều kiện phù hợp và chưa phù hợp của trường/lớp mà mình công tác cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ khiếm thị.

Câu hỏi 3: Đề xuất các biện pháp thay đổi những điều kiện chưa phù hợp.

Hoạt động 2: Chăm sóc – giáo dục trẻ khiếm thính

2.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

* *Đặc điểm của trẻ khiếm thính:*

- Tri giác thị giác tốt, học chủ yếu thông qua thực hành và quan sát, bắt chước.
- Việc tiếp thu các thông tin đến từ thính giác bị hạn chế.
- Khả năng hiểu và biểu đạt ngôn ngữ của trẻ hạn chế, do đó ảnh hưởng đến việc lĩnh hội các kiến thức đặc biệt là các khái niệm trừu tượng. Trẻ hay gặp khó khăn trong việc sử dụng đúng ngữ pháp, cú pháp và sử dụng đúng từ. Trẻ thường sử dụng từ không phù hợp, đặt sai thứ tự các từ trong câu, câu không rõ nghĩa.
- Sức tập trung chú ý của trẻ không cao nên khó tiếp nhận được lượng thông tin nhiều và sâu. Khả năng tư duy trừu tượng của trẻ hạn chế dẫn đến việc hiểu các kiến thức trừu tượng nông cạn, có khi hiểu sai.
- Gặp khó khăn trong việc giao tiếp với các trẻ khác và giáo viên.

* *Điều chỉnh về môi trường:*

Sử dụng phòng học ở khu yên tĩnh nhất của trường và giảm bớt tiếng ồn trong lớp bằng cách trải thảm, khăn trải bàn khi trẻ chơi, sử dụng đệm cao su cho chân bàn, chân ghế... việc này có thể giảm đáng kể tiếng ồn trong lớp.

Giáo viên cũng nên chú ý đến các đồ vật phát ra âm thanh như tivi, radio, quạt, đèn chiếu... Điều chỉnh âm thanh phát ra từ tivi, radio... nếu giáo viên muốn trẻ khiếm thính lắng nghe lời hướng dẫn của giáo viên hoặc các bạn khác trong lớp.

Nếu có tiếng ồn từ bên ngoài có thể hạn chế bằng cách đóng kín cửa. Để giảm bớt tiếng vang, nên sử dụng các vật liệu hút âm thanh trong phòng như trải thảm, chiếu trên sàn nhà, tường treo rèm vải dày...

* *Điều chỉnh khi tổ chức hoạt động:*

Do có những khó khăn về nghe, nên để hiểu được những lời nói của người khác, trẻ khiếm thính rất cần sự hỗ trợ thông qua đọc hình miệng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khiếm thính đọc hình miệng, trong quá trình tổ chức hoạt động, giáo viên nên đứng hoặc ngồi đối diện trẻ, chú ý không che miệng khi nói, không đi lại trong lúc đang nói, bởi vì vừa đi vừa nói sẽ làm giọng của giáo viên khó nghe hơn và trẻ cũng khó nhìn

thấy rõ ràng khuôn mặt của giáo viên hơn. Giáo viên cần thu hút trẻ khiếm thính nhìn về phía mình trước khi nói và ra hiệu cho trẻ biết ai đang nói khi lớp thảo luận để trẻ có thể nhìn đúng hướng và đọc hình miệng thuận lợi hơn. Bên cạnh đó cũng cần chú ý đến điều kiện ánh sáng để giúp trẻ khiếm thính đọc hình miệng khi giao tiếp trong lớp học.

- Một số trẻ không nói được, trẻ cần được dạy những cách thức khác nhau để thể hiện suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc của mình như bằng các hành động và cử chỉ. Giáo viên hãy sử dụng các phương tiện giao tiếp khác nhau với trẻ như vừa nói vừa kết hợp tay, mặt hoặc điệu bộ cơ thể... và hướng dẫn những trẻ em khác sử dụng nhiều cách thức giao tiếp với trẻ khiếm thính.
- Khi hướng dẫn hoạt động cho trẻ, giáo viên cần nói ngắn gọn, rõ ràng, nói to nhưng không hét lên hay cường điệu hình miệng, sử dụng những từ và câu đơn giản cùng với những điệu bộ hoặc tranh ảnh để giúp trẻ hiểu điều đang được nói. Khi đưa ra lời chỉ dẫn, giáo viên có thể nói chung với cả lớp và nhắc lại điểm then chốt của lời chỉ dẫn cho trẻ khiếm thính.
- Phương tiện hỗ trợ về thị giác đóng vai trò quan trọng trong quá trình tiếp thu thông tin của trẻ khiếm thính. Những hỗ trợ về thị giác đối với trẻ khiếm thính đó là đồ dùng trực quan như tranh ảnh, mô hình, sơ đồ, vật thật... và một phương tiện hỗ trợ trực quan quan trọng đối với trẻ khiếm thính là cử chỉ điệu bộ.
- Tận dụng sự hỗ trợ của các trẻ khác trong lớp để giúp trẻ khiếm thính hiểu được những gì đang diễn ra xung quanh.
- Khi giao tiếp với trẻ, hãy cho trẻ thời gian để nghe và suy nghĩ. Kiên trì dành thời gian nghe xem trẻ đang muốn nói gì và giúp trẻ sử dụng đúng từ để nói và luôn giữ thái độ tích cực, đồng viên khuyến khích trẻ bởi vì việc học tập trong lớp đối với các em là rất khó khăn.

Máy trợ thính là một trong những phương tiện quan trọng giúp trẻ sử dụng sức nghe tốt hơn trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Để giúp trẻ sử dụng sức nghe một cách hữu hiệu qua máy trợ thính, giáo viên cần biết một số thao tác đơn giản về sử dụng máy trợ thính như tắt mở, kiểm tra máy trợ thính...

Máy trợ thính có nhiều loại, mỗi loại có tác dụng khác nhau cho những loại điếc khác nhau. Hiện nay, có hai loại máy được sử dụng thông dụng: máy trợ thính hộp và máy trợ thính sau tai.

Máy trợ thính hộp



Máy trợ thính sau tai



Ngoài ra, một số phương tiện trợ thính khác cho trẻ khiếm thính như ốc tai điện tử hoặc hệ thống FM.

2.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Trải nghiệm phát hiện những khả năng và khó khăn của trẻ khiếm thính.*
 - Một học viên bị bịt tai lại trong khi một người khác đang kể một câu chuyện vui cho cả lớp.
 - Học viên bị bịt tai mô tả cảm giác của bản thân khi tiếp nhận thông tin mà không nghe thấy và kể lại những gì mình có thể hiểu được từ nét mặt và cử chỉ điệu bộ của mọi người.
 - Thảo luận về những khả năng và khó khăn mà trẻ khiếm thính gặp phải.
- * *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ khiếm thính.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 2.
 - Chỉ ra những khó khăn điển hình của trẻ khiếm thính.
 - Xác định các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ khiếm thính.
- * *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ khiếm thính.*
 - Các nhóm đóng vai cô giáo trong lớp học cùng với trẻ tổ chức hoạt động cho trẻ khiếm thính khám phá âm thanh.
 - Thảo luận về các biện pháp hỗ trợ trẻ.
 - Đóng vai, mô phỏng các biện pháp thực hiện.

2.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những khả năng và khó khăn của trẻ khiếm thính.

Câu hỏi 2: Nhận xét về cách mình đã hướng dẫn hoạt động cho trẻ em trong lớp và đề xuất các biện pháp thay đổi để phù hợp cho lớp có trẻ khiếm thính.

Hoạt động 3: Chăm sóc – giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ

3.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

* *Đặc điểm của trẻ khuyết tật trí tuệ:*

- Có khả năng bắt chước tốt.
- Có thể gặp khó khăn về nghe và nhìn. Khả năng tiếp thu các kiến thức học đường chậm, khó nhớ, mau quên, gọi nhớ không đầy đủ. Khó khăn trong việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn và trong các bối cảnh khác nhau.
- Tập trung, chú ý kém, hay bị phân tán chú ý. Ghi nhớ máy móc, gặp khó khăn trong việc hiểu và nhớ bản chất. Tư duy chủ yếu là tư duy trực quan hành động, khó khăn trong việc hiểu những thông tin mang tính logic, trừu tượng.
- Ngôn ngữ diễn đạt và ngôn ngữ tiếp nhận đều kém, đặc biệt là ngôn ngữ diễn đạt.
- Không nắm được các kĩ năng giao tiếp thông thường như luân phiên, chờ đợi... ít hiểu các cử chỉ giao tiếp không lời: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...
- Gặp khó khăn trong việc làm theo hướng dẫn, làm theo trình tự, tình huống mới.
- Có các hành vi xã hội không phù hợp với bối cảnh, một số trẻ có hành vi xâm hại đến những trẻ khác.

* *Điều chỉnh môi trường và thiết bị:*

Với hầu hết trẻ khuyết tật trí tuệ tham gia học hòa nhập không đòi hỏi phải sắp xếp lớp học đặc biệt hoặc cần có nhiều đồ dùng khác biệt. Giáo viên có thể điều chỉnh và tổ chức lại đồ dùng trong lớp học để đáp ứng nhu cầu của trẻ khuyết tật trí tuệ.

- Các lối cần rộng rãi để trẻ di chuyển thuận tiện, tránh trẻ bị ngã nhất là với những trẻ đi lại vụng về. Đường di chuyển giữa các khu vực trong lớp cần giúp trẻ dễ dàng nhận ra.

- Lúc đầu, sắp xếp lớp học đơn giản, rõ ràng giữa các khu vực đến mức có thể. Khi trẻ đã quen dần với cách sắp xếp này, tăng dần thêm đồ dùng, khu vực hoạt động khác. Cần giữ các khu vực cơ bản một cách cố định giúp trẻ đỡ bị nhầm lẫn và quen thuộc hơn với cấu trúc của lớp học. Cần đánh dấu các khu vực một cách rõ ràng.
- Tránh sắp xếp khu vực để gây tiếng động với khu vực cần yên tĩnh. Tiếng động có thể gây sao lãng với những hoạt động cần sự yên tĩnh và tập trung. Tiếng động cũng có thể làm trẻ khuyết tật trí tuệ dễ bị kích thích.
- Chú ý đến sắp xếp chỗ ngồi của trẻ: ngay phía trước, gần chỗ của giáo viên nếu cần thiết. Tuy nhiên, cần cho trẻ cảm thấy thoải mái khi học, chỗ ngồi cần xa những yếu tố có thể gây ảnh hưởng tới việc học như: cửa ra vào. Hạn chế tiếng ồn và những yếu tố gây nhiễu mà trẻ có thể nhìn thấy.
- Tạo những không gian cá nhân cho trẻ. Có những trẻ gặp khó khăn khi phải sử dụng không gian chung với các bạn. Giáo viên có thể giới hạn khi sắp xếp để hạn chế những ảnh hưởng của những trẻ này với các bạn khác nhất là ở những hoạt động chung.
- Với phương tiện trực quan, cần xem xét mức độ phức tạp và trừu tượng của đồ dùng. Nếu cần, điều chỉnh đồ dùng đơn giản để phù hợp với trẻ. Chú ý sử dụng những đồ dùng mà trẻ sử dụng các giác quan để khám phá: nghe, nhìn, nếm, ngửi, xúc giác và vận động.
- * *Điều chỉnh khi tổ chức hoạt động:*
- Hầu hết các nội dung trong chương trình giáo dục mầm non đều có thể áp dụng để dạy trẻ nhưng cần có một kế hoạch dạy cụ thể và tỉ mỉ. Nội dung kiến thức có thể là phân biệt và lĩnh hội được những gì trẻ nhìn thấy và nghe thấy, khái niệm các sự vật, hiện tượng gần gũi, phát triển các giác quan...
- Khi tổ chức hoạt động cho trẻ, giáo viên cần áp dụng các biện pháp thu hút sự chú ý của trẻ thông qua sự minh họa, tranh ảnh, nói nhấn mạnh, gọi tên trẻ, tổ chức các hoạt động vui vẻ, hấp dẫn đối với trẻ...
- Giáo viên phải di chuyển trong phòng học, thay đổi tốc độ, cao độ và âm lượng của giọng, sử dụng cả ngôn ngữ cử chỉ và những động tác sinh động khác để thu hút sự chú ý của trẻ.
- Nội dung học tập được nhắc đi nhắc lại nhiều lần với những người khác nhau, hoàn cảnh và hoạt động khác nhau, giúp trẻ áp dụng những kỹ năng đã học trong các hoàn cảnh khác nhau.

- Giao nhiệm vụ tập trung vào điểm mạnh của trẻ, nâng cao cơ hội thành công cho trẻ. Đảm bảo đủ thời gian để trẻ hoàn thành nhiệm vụ.
- Sử dụng đồ dùng trực quan để minh hoạ cho trẻ đặc biệt khi dạy các khái niệm trừu tượng hoặc các kỹ năng có nhiều bước thực hiện.
- Đơn giản hoá kiến thức bằng cách chia thành nhiều bước nhỏ để trẻ dễ nắm bắt, dễ nhớ hơn. Áp dụng kỹ thuật phân tích nhiệm vụ, tức chia một nhiệm vụ lớn thành các bước nhỏ hơn để hướng dẫn cho trẻ. Để hoàn thành nhiệm vụ, trẻ sẽ hoàn thành từng bước nhỏ – cách thức này dễ dàng hơn rất nhiều so với việc trẻ cần hoàn thành cả nhiệm vụ lớn.
- Việc giao tiếp với trẻ khuyết tật trí tuệ đòi hỏi giáo viên cần nói chậm hơn, sử dụng ngôn ngữ đơn giản hơn, kết hợp lời nói với đồ vật, tranh biểu tượng hoặc ký hiệu.

- Giáo viên cần chú ý lập kế hoạch các hoạt động trong ngày phong phú. Cần có sự luân chuyển giữa hoạt động tĩnh và hoạt động động. Khi dạy trẻ khuyết tật trí tuệ một kỹ năng mới, cần chú ý bố trí hoạt động đó ở trong bối cảnh quen thuộc với trẻ. Điều này giúp trẻ sẵn sàng hơn với hoạt động học tập và không làm trẻ có cảm giác bị bối rối, lúng túng.

Trẻ khuyết tật trí tuệ đặc biệt nhạy cảm với nhịp độ học tập trong ngày. Một số trẻ khuyết tật trí tuệ dễ dàng bị mệt mỏi và cần nhiều thời gian yên tĩnh hơn so với trẻ bình thường.

Khi cần chuyển đổi các hoạt động trong lớp học, giáo viên cần thông báo cho trẻ biết khoảng vài phút trước khi hoạt động đó kết thúc. Một số trẻ khuyết tật trí tuệ khi thông báo phải dừng hoạt động ngay lập tức mà không có sự thông báo trước sẽ thể hiện sự không chấp nhận, có hành vi không mong muốn. Nhưng nếu trẻ được thông báo trước vài phút và trước khi hoạt động kết thúc, trẻ sẽ vui vẻ dừng hoạt động mà trẻ yêu thích theo đúng lịch biểu như các bạn khác.

- Duy trì nề nếp để tạo cảm giác an toàn và kích thích trẻ tự tin hơn.
- Có kế hoạch quản lý hành vi để hạn chế những hành vi tiêu cực và phát triển những hành vi tích cực của trẻ. Luôn quan sát kỹ các hành vi của trẻ xảy ra ở đâu, khi nào, với mục đích gì, mức độ thường xuyên như thế nào, để có các biện pháp hỗ trợ thích hợp.
- Luôn giữ thái độ tích cực, khuyến khích và động viên trẻ.

3.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Thảo luận phát hiện những khả năng và khó khăn của trẻ khuyết tật trí tuệ.*
 - Mô tả về một trẻ khuyết tật trí tuệ đã từng gặp hoặc làm việc.
 - Thảo luận về những khả năng và khó khăn mà trẻ khuyết tật trí tuệ gặp phải.
- * *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 3.
 - Chỉ ra những khó khăn điển hình của trẻ khuyết tật trí tuệ.
 - Thảo luận các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ.
- * *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong quá trình chăm sóc – giáo dục.*
 - Các nhóm đóng vai cô giáo trong lớp học cùng với trẻ tổ chức hoạt động cho trẻ khuyết tật trí tuệ nhận biết số lượng.
 - Thảo luận về các biện pháp hỗ trợ trẻ trong hoạt động trên.
 - Đóng vai, mô phỏng các biện pháp thực hiện.

3.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật trí tuệ trong quá trình chăm sóc giáo dục.

Câu hỏi 2: Lấy ví dụ về một kĩ năng cần hướng dẫn cho trẻ khuyết tật trí tuệ và phân tích kĩ năng này thành các thao tác nhỏ hơn để hướng dẫn cho trẻ khuyết tật trí tuệ.

Hoạt động 4: Chăm sóc – giáo dục trẻ khuyết tật ngôn ngữ

4.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

- * *Đặc điểm của trẻ khuyết tật ngôn ngữ:*
 - Có thể không nói được hoặc đã nói được nhưng sau đó không thể nói được nữa. Phát âm của trẻ có thể rất khó nghe, gặp khó khăn trong việc hiểu và diễn đạt.
 - Khó khăn về giao tiếp đặc biệt là giao tiếp sử dụng ngôn ngữ nói.

- Phản ứng chậm khi giáo viên hỏi.
- Tư duy ngôn ngữ chậm và có thể kém phát triển.
- * *Điều chỉnh môi trường:*

Tạo môi trường phong phú kích thích ngôn ngữ cho trẻ bằng cách bày các quyển truyện tranh vẽ hấp dẫn, phần lời ngắn gọn, sử dụng các động từ, tính từ gần gũi.
- * *Sử dụng các bài thơ chữ to kèm hình ảnh:*

Thiết kế các phương tiện hỗ trợ giao tiếp cho trẻ như tranh ảnh, điệu bộ, kí hiệu...
- * *Điều chỉnh khi tổ chức hoạt động:*

Tạo môi trường phát triển ngôn ngữ phong phú với nhiều cơ hội để trẻ được nghe, nói, đặt câu hỏi, yêu cầu, đề nghị.

Giáo viên cần phát hiện ra cách trẻ giao tiếp với mọi người. Điều này sẽ giúp cho người lớn hiểu được các hành động của trẻ và tác động tới chúng một cách phù hợp, từ đó đảm bảo được các tín hiệu trở nên có chủ đích và có ý nghĩa. Trẻ có thể sử dụng các phương tiện như tranh ảnh, điệu bộ, từ ngữ, hành vi... để giao tiếp, thể hiện nhu cầu và cảm giác của mình.

Người lớn cần đáp ứng lại trước mọi biểu hiện phi lời nói và lời nói của trẻ để khuyến khích trẻ sử dụng các phương tiện giao tiếp khác nhau. Hãy giúp trẻ cảm thấy an tâm và cho trẻ biết rằng bất cứ một cố gắng nào để trẻ nói đều rất được khuyến khích và đánh giá cao. Ngoài ra, giáo viên cũng cần giúp các trẻ khác trong lớp hiểu lời nói của trẻ khó khăn về ngôn ngữ. Lúc đầu, giáo viên phải thực hiện với vai trò như là một người phiên dịch nhưng cố gắng đừng thể hiện điều này càng ít càng tốt.

Sử dụng ngôn ngữ đơn giản và phù hợp với khả năng hiểu của trẻ và nhấn mạnh những từ chính một cách phù hợp.
- Sử dụng một số kĩ thuật phát triển ngôn ngữ cho trẻ như: bắt chước các hành động và lời nói của trẻ, mở rộng "lời nói" của trẻ, dừng lại để tạo cơ hội giao tiếp cho trẻ.
- Khuyến khích trẻ diễn đạt bằng cách gợi ý cho trẻ bằng câu hỏi, bằng những thông tin có liên quan hoặc cung cấp ngôn ngữ phù hợp cho trẻ. Đặc biệt đối với những trẻ khó khăn về ngôn ngữ, khi yêu cầu trẻ trình bày một nội dung nào đó cần cho trẻ thêm thời gian để thực hiện các yêu

cầu, không nên thúc giục trẻ, bởi nếu càng thúc giục trẻ càng tăng thêm áp lực và trẻ càng không thể diễn đạt đúng. Hãy dành thời gian để trẻ trả lời, không nên ngắt lời trẻ. Khuyến khích trẻ nói bằng cách giáo viên tỏ ra rất chú ý lắng nghe. Không thúc giục trẻ nói nhanh. Sửa lỗi ngữ pháp cho trẻ bằng cách nhắc lại những câu của trẻ nhưng sửa lại cho đúng ngữ pháp.

- Chơi các trò chơi rèn luyện kỹ năng nghe hiểu lời nói, phát âm, trò chơi âm nhạc, sử dụng các câu chuyện ngắn.
- Nếu có điều kiện có thể cho trẻ tham gia các hoạt động trị liệu ngôn ngữ và lời nói.

4.2. CÁC NHIỆM VỤ

* *Nhiệm vụ 1: Thảo luận phát hiện những khả năng và khó khăn của trẻ khuyết tật ngôn ngữ.*

- Mô tả về một trẻ khuyết tật ngôn ngữ.
- Thảo luận về những khả năng và khó khăn mà trẻ khuyết tật ngôn ngữ gặp phải.

* *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật ngôn ngữ.*

- Đọc phần thông tin cho hoạt động 4.
- Chỉ ra những khó khăn điển hình của trẻ khuyết tật ngôn ngữ.
- Thảo luận các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật ngôn ngữ.

* *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật ngôn ngữ trong quá trình chăm sóc – giáo dục.*

- Các nhóm đóng vai cô giáo trong lớp học cùng với trẻ tổ chức hoạt động kể chuyện cho trẻ khuyết tật ngôn ngữ.
- Thảo luận về các biện pháp hỗ trợ trẻ trong hoạt động trên.
- Đóng vai, mô phỏng các biện pháp thực hiện.

4.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Mô tả một trẻ khuyết tật ngôn ngữ và nêu những biện pháp hỗ trợ trẻ trong quá trình chăm sóc giáo dục?

Câu hỏi 2: Tự suy nghĩ về cách mình đã hướng dẫn hoạt động cho trẻ em trong lớp và đề xuất các biện pháp thay đổi để phù hợp cho lớp có trẻ khuyết tật ngôn ngữ.

Hoạt động 5: Chăm sóc – giáo dục trẻ khuyết tật vận động

5.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

* *Đặc điểm của trẻ khuyết tật vận động:*

- Trí tuệ phát triển bình thường.
- Di chuyển trong lớp khó khăn, có thể gặp khó khăn trong việc cầm bút viết, cầm nắm các đồ vật... Có thể tỏ ra mệt mỏi, khả năng chịu đựng kém.
- Hay tự ti, mặc cảm.
- Sự hạn chế về vận động có thể làm ảnh hưởng tới việc nắm bắt những kĩ năng khác. Thường bị hạn chế về cơ hội tham gia các hoạt động vui chơi, đặc biệt là các hoạt động vận động.

* *Điều chỉnh môi trường và thiết bị:*

Đối với trẻ khó khăn về vận động, môi trường sinh hoạt, vui chơi, học tập có vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp trẻ tự thực hiện được các hoạt động tự phục vụ và tham gia vào các hoạt động thường ngày ở gia đình và lớp học. Khi tổ chức môi trường cho trẻ khuyết tật vận động cần đảm bảo:

- Bố trí, sắp xếp lớp học tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và sử dụng của trẻ, tăng thêm diện tích cho các thiết bị hỗ trợ. Đồ dùng, đồ chơi để vừa tầm mắt và chiều cao của trẻ giúp trẻ độc lập hơn.
- Chú ý đến chỗ ngồi và tư thế phù hợp có thể khắc phục sự lưu thông kém, co quắp cơ, đau do bị chèn ép và giúp phát triển khả năng tiêu hoá, hô hấp.
- Sử dụng các thiết bị hỗ trợ chuyên dụng: xe lăn, thiết bị điều chỉnh và định vị, chân tay giả, tay vịn, giá đỡ... Điều chỉnh đồ dùng học tập phù hợp với khả năng của trẻ. Tuy nhiên với các thiết bị sử dụng hằng ngày chỉ nên điều chỉnh đơn giản để tránh làm cho chúng trở nên quá khác thường. Bên cạnh các dụng cụ hỗ trợ di chuyển, trẻ khó khăn vận động cần có các dụng cụ cần thiết phục vụ cho các nhu cầu hoạt động, sinh hoạt của trẻ như: những dụng cụ phù hợp với các tư thế cần thiết (nằm, ngồi...) của trẻ; những dụng cụ giúp trẻ tự lập trong các sinh hoạt (ăn, uống, mặc quần áo...). Ví dụ: áo với móc, khuyết phải để mở, dễ cài; phải có loại thìa cán to để trẻ tự ăn...

* *Điều chỉnh khi tổ chức hoạt động:*

- Lựa chọn cách tổ chức phù hợp với từng hoạt động để trẻ có thể tham gia được. Cho phép trẻ tham gia theo khả năng để kích thích khả năng độc lập và suy nghĩ tích cực về bản thân. Điều cốt yếu là đừng quá nhấn mạnh đến khuyết tật của trẻ, mà phải tìm ra những khả năng của trẻ, rồi tạo cơ hội để trẻ có thể thể hiện cho các bạn trong lớp biết những khả năng của mình. Qua đó dần dần trẻ có thể tự khẳng định, nâng cao vị thế của mình, tạo được sự tôn trọng, yêu thương thực sự của các bạn trong lớp.
- Sự hạn chế về vận động trong đó có hạn chế về phạm vi di chuyển, kĩ năng vận động thô và kĩ năng vận động tinh có thể xuất hiện rồi làm ảnh hưởng tới việc nắm bắt các kĩ năng khác. Ví dụ, trẻ nhỏ bị chậm phát triển vận động, không thể khám phá xung quanh sẽ có những biểu hiện chậm phát triển ngôn ngữ và kĩ năng xã hội do chúng ít được tiếp xúc với đồ vật mới, vốn từ hạn hẹp hoặc trải nghiệm xã hội cũng thiếu thốn. Giáo viên và cha mẹ nên tạo ra một môi trường phong phú về ngôn ngữ cho trẻ, đảm bảo cho trẻ có cơ hội vận động, tiếp xúc cả ở nhà và ở trường.
- Bên cạnh các nội dung học tập phát triển nhận thức, trẻ khó khăn vận động cần được giúp đỡ để học được các kĩ năng tự phục vụ và sinh hoạt độc lập.
- Đi lại là một trong những vấn đề khó khăn và mất nhiều thời gian. Do vậy khi tổ chức các hoạt động cho trẻ, giáo viên cần suy nghĩ kĩ càng về việc chuyển vị trí cho trẻ khi chuyển tiếp các hoạt động.
- Trẻ khó khăn vận động có thể mệt mỏi, khả năng tham gia kém, tham gia được một ít vào các hoạt động như trẻ bị liệt nửa người, đau khớp, cong vẹo cột sống không ngồi được lâu. Do vậy, giáo viên và cha mẹ nên xây dựng chế độ sinh hoạt ở nhà và ở trường, thời lượng của các hoạt động để đảm bảo sức khoẻ cho trẻ.
- Ở trường, lớp mầm non, giáo viên cần tạo ra các nhóm bạn bè thân thiết trong lớp, biết giúp đỡ nhau. Xếp trẻ khuyết tật vào nhóm bạn mà trẻ khuyết tật cảm thấy hợp, thoải mái hơn.
- Với một số trẻ khó khăn vận động có thể có các biện pháp phục hồi chức năng mang lại hiệu quả cao như nắn chỉnh hình hoặc phẫu thuật sửa chữa biến dạng và cung cấp nẹp chỉnh hình cho trẻ... Do trẻ đang trong giai đoạn độ tuổi phát triển nên nẹp chỉnh hình và chân giả cung cấp cho các em luôn phải thay đổi để phù hợp với trẻ.

5.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Phát hiện những khả năng và khó khăn của trẻ khuyết tật vận động.*
 - Mô tả về một trẻ khuyết tật vận động đã từng gặp hoặc làm việc.
 - Thảo luận về những khả năng và khó khăn mà trẻ khuyết tật vận động gặp phải.
- * *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 5.
 - Chỉ ra những khó khăn điển hình của trẻ khuyết tật vận động.
 - Thảo luận nhóm nhỏ các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật vận động.
- * *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động trong quá trình chăm sóc – giáo dục.*
 - Liệt kê một số hoạt động mà trẻ có khó khăn trong vận động của tay có thể gặp phải trong lớp mẫu giáo.
 - Thảo luận về các biện pháp hỗ trợ trẻ.
 - Thực hành thiết kế một số phương tiện hỗ trợ cho các hoạt động cụ thể mà trẻ tham gia ở trường mầm non.

5.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động trong quá trình chăm sóc giáo dục.

Câu hỏi 2: Vẽ vòng tròn lớn giữa trang giấy và viết “Môi trường học tập phù hợp” và viết ra xung quanh những điều bạn muốn thay đổi ở trường, lớp mầm non của bạn cho phù hợp với trẻ khuyết tật vận động.

Hoạt động 6: Chăm sóc – giáo dục trẻ tự kỉ

6.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

- * *Đặc điểm của trẻ tự kỉ:*
 - Tương tác xã hội: khó khăn trong các quan hệ liên hệ cá nhân, liên hệ mang tính xã hội. Trẻ tự kỉ thường thích được chơi một mình tách rời khỏi những người xung quanh, thậm chí cả những người thân trong gia đình. Trẻ cũng không quan tâm đến việc chia sẻ niềm vui, sự yêu ghét

hay những thành quả mà mình đạt được với người khác; thiếu sự tiếp xúc bằng mắt, không đáp lại lời của cha mẹ; ít hoặc không quan tâm đến việc kết bạn, thích các hoạt động một mình. Trẻ không nhận biết được cảm xúc của người khác.

- **Giao tiếp:** Khó khăn trong việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ và các công cụ phi ngôn ngữ, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp. Nếu nói được thì có thể không sử dụng hoặc rất thụ động trong sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với người khác. Trẻ cũng gặp khó khăn trong việc bắt đầu hoặc duy trì cuộc hội thoại, hay dùng ngôn ngữ lặp đi lặp lại (tức trẻ thường mắc chứng nhại lời).

Mức độ phát triển ngôn ngữ của trẻ cũng rất đa dạng. Phần lớn trẻ có thể hiểu được những hướng dẫn đơn giản, những sự vật gần gũi. Quá trình xử lý thông tin thường chậm chạp, trẻ gặp khó khăn khi ai đó nói quá nhanh, quá chậm hoặc dùng quá nhiều từ, từ lạ, từ phức tạp. Vốn từ của trẻ thường nghèo nàn, cấu trúc ngữ pháp sai. Trẻ thường hiểu hơn nếu những gì được nói có kèm theo hình ảnh minh họa hoặc trẻ có thể liên tưởng tới một hình ảnh quen thuộc nào đó.

Ngôn ngữ diễn đạt có thể phát triển nhưng chậm hơn trẻ bình thường. Chúng thường bắt đầu bằng việc lặp lại những từ người khác nói đặc biệt là một vài từ ở cuối câu. Trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ một cách kì quặc: nhại lời, sử dụng một từ trong nhiều tình huống...

- **Tương tượng:** Trẻ tự kỉ gặp nhiều khó khăn trong sự phát triển các hoạt động chơi và tương tượng. Trẻ chơi với các đồ vật theo một cách rập khuôn, kì quặc, chỉ quan tâm đến một vài chi tiết nhất định chứ không hiểu chức năng của đồ vật. Khi chơi trò chơi, trẻ chỉ dừng lại ở mức độ chơi cảm giác. Khi học các kĩ năng xã hội, trẻ tự kỉ không liên hệ các kĩ năng được học vào tình huống cụ thể, mà chỉ thực hiện máy móc những gì được học.
- Trẻ tự kỉ có thể có những vấn đề về hành vi: hung tính, tăng động hoặc ù lì, hành vi tự lạm dụng, kích thích, hành vi rập khuôn... Trẻ có những định hình về các vận động cơ thể, các hành động lặp lại như xoay bàn tay hay cổ, lắc lư người, vỗ tay... Trẻ có những cử động mang tính chất rập khuôn, đặc biệt như là đập tay hoặc gõ tay, lắc lư qua lại, hoặc làm những dáng điệu với những ngón tay được coi như là dấu hiệu xác định tự kỉ. Trẻ thường có những hành vi này khi các em thấy bị nhầm chán, trẻ bị căng thẳng, lo âu hoặc các yếu tố ở môi trường quá kích thích với trẻ.
- Trẻ thường gặp khó khăn về giao tiếp, thiếu quan hệ với bạn cùng lớp.

- Trẻ có thể gặp khó khăn về học; khó khăn trong việc liên hệ hoặc vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học vào tình huống cụ thể (tình huống thực).

* *Điều chỉnh khi tổ chức hoạt động:*

- Thu hút sự tập trung chú ý của trẻ, thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân mật giữa giáo viên và các trẻ khác với trẻ tự kỉ. Bằng cách khuyến khích tương tác mắt, thu hút sự chú ý của trẻ vào khuôn mặt mình. Sử dụng tên của trẻ một cách thường xuyên nhưng có chủ đích. Sử dụng các kích thích thị giác và kí hiệu để duy trì sự chú ý của trẻ.
- Làm việc với trẻ trong môi trường yên tĩnh, ít sự sao lãng để cho phép trẻ tập trung vào hoạt động hiện tại.
- Khuyến khích trẻ tự kỉ sử dụng ngôn ngữ nói và nói theo câu mẫu. Giúp trẻ nói được một số mẫu câu hỏi và câu nói trong những tình huống cơ bản quen thuộc hàng ngày. Có thể dạy trẻ mẫu câu hỏi: "Cái gì đây?" khi muốn biết tên của một đồ vật hay cái gì đó. Dạy trẻ nói "Chào ... ạ" khi gặp ai đó. Dạy trẻ "Con muốn..." khi trẻ muốn điều gì đó. Dùng những từ mô tả con người, đồ vật, hành động, hiện tượng xung quanh trẻ, dùng những từ đơn giản và lặp lại thường xuyên.
- Với một số trẻ tự kỉ có ít ngôn ngữ hoặc không có ngôn ngữ, hãy sử dụng các phương tiện giao tiếp khác với trẻ như tranh ảnh, biểu tượng, kí hiệu.
- Đáp ứng cho trẻ thấy (bằng phản ứng thích hợp như vỗ tay, mỉm cười, ôm trẻ vào lòng) để trẻ hiểu sự cố gắng giao tiếp của trẻ là rất tốt, rất đáng khen.
- Khi trẻ có những hành vi không phù hợp, giáo viên cần quan sát để biết các hành vi xuất hiện khi nào, ở đâu và nguyên nhân của hành vi là gì (Chế độ sinh hoạt, thời gian hoạt động, đồ dùng dạy học, kì vọng đối với trẻ...) để tìm biện pháp hỗ trợ.
- Sử dụng đồ chơi, đồ dùng an toàn. Tránh sử dụng những đồ vật có thể kích thích những hành vi hung hãn ở trẻ.
- Lựa chọn và tổ chức hoạt động học tập cho trẻ dựa trên sở thích của trẻ bằng cách lồng ghép các nội dung học tập vào các hoạt động mà trẻ ưa thích.
- Khi tổ chức các hoạt động theo nhóm nhỏ, cần lựa chọn bạn cùng nhóm với trẻ thật cẩn thận vì đó là những mẫu hình tốt về hành vi và giao tiếp để trẻ bắt chước theo.
- Khen ngợi trẻ khi trẻ làm đúng để khuyến khích các hành vi tích cực.

6.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Phát hiện những khả năng và khó khăn của trẻ tự kỉ.*
 - Mô tả về một trẻ tự kỉ đã từng gặp hoặc làm việc.
 - Thảo luận về những khả năng và khó khăn mà trẻ tự kỉ gặp phải.
- * *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ tự kỉ.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 6.
 - Chỉ ra những khó khăn điển hình của trẻ tự kỉ.
 - Thảo luận các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ tự kỉ.
- * *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ tự kỉ trong quá trình chăm sóc – giáo dục.*
 - Mô tả một hành vi của trẻ tự kỉ mà giáo viên muốn thay đổi.
 - Thảo luận về các biện pháp thay đổi hành vi cho trẻ này.

6.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những biện pháp hỗ trợ trẻ tự kỉ trong quá trình chăm sóc giáo dục.

Câu hỏi 2: Tự suy nghĩ về cách mình đã ứng xử với hành vi của trẻ em trong lớp và đề xuất thay đổi để phù hợp cho lớp có trẻ tự kỉ.

Nội dung 3

CHĂM SÓC – GIÁO DỤC TRẺ NHIỄM HIV/AIDS (3 tiết)

Hoạt động 1: Xác định những rào cản đối với việc tiếp cận giáo dục của trẻ nhiễm HIV/AIDS

1.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

Để giúp trẻ em có HIV/AIDS tới trường mầm non, chúng ta cần xác định những nguyên nhân cản trở sự hòa nhập của trẻ.

Một số “nguyên nhân” bao gồm: những đặc điểm hay hoàn cảnh riêng của trẻ; từ môi trường xung quanh ảnh hưởng đến trẻ... Những rào cản hay “nguyên nhân” đối với việc học của trẻ có thể nảy sinh tại gia đình, lớp học hay cộng đồng. Có những nguyên nhân chủ quan hoặc nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến trẻ.

Từ bản thân trẻ có những nguyên nhân như sức khỏe kém, hay ốm đau. Một số trẻ có thể phải sử dụng thuốc, việc đến trường có thể ảnh hưởng đến việc tuân thủ uống thuốc đều đặn, đúng giờ.

Từ gia đình trẻ, sự mặc cảm làm cho họ ngại ngần việc đưa con tới trường. Nếu với những gia đình có trẻ nhiễm HIV/AIDS phải dùng thuốc thì vấn đề càng trầm trọng hơn vì gia đình trẻ lo ngại hoặc không yên tâm khi không trực tiếp cho trẻ dùng thuốc.

Từ nhà trường, sự thiếu hiểu biết và kĩ năng của giáo viên trong việc chăm sóc trẻ có HIV dẫn đến sự lo lắng thái quá, thiếu khoa học về nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS mà các trường học cũng ngại ngần thậm chí là phản đối tiếp nhận trẻ đến trường. Môi trường lớp học, trường học vẫn còn có sự kì thị nặng nề đối với trẻ em có HIV/AIDS và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. Sự thiếu thốn các điều kiện trang thiết bị hỗ trợ cho giáo viên để họ có thể làm việc với trẻ có HIV cũng là một nguyên nhân cản trở sự sẵn sàng của giáo viên khi làm việc với trẻ nhiễm HIV/AIDS.

Tuy nhiên, những nguyên nhân phổ biến vẫn là từ cộng đồng. Thái độ kì thị của cộng đồng do không hiểu cơ chế lây lan của virus HIV/AIDS. Sự kì thị thiếu hiểu biết đó còn nguy hiểm hơn HIV/AIDS. Khi được các cơ quan, tổ chức vận động chấp nhận sự hoà nhập của trẻ nhiễm HIV/AIDS, các phụ huynh đưa ra rất nhiều lí do như sợ trẻ hiếu động dẫn tới va chạm đổ máu, hoặc các bệnh nhiễm khuẩn cơ hội từ trẻ nhiễm HIV/AIDS lây sang trẻ bình thường... Đây là sự nhìn nhận về HIV/AIDS một cách định kiến và thiếu cơ sở khoa học. Chăm sóc và giáo dục trẻ em có HIV/AIDS sẽ càng khó khăn hơn khi sự kì thị của cộng đồng với các em vẫn còn khá sâu sắc.

Để giúp đỡ những trẻ nói trên, chúng ta không chỉ tìm hiểu những “nguyên nhân” mà còn nghĩ cách vượt qua những rào cản này. Những người có liên quan có thể phối hợp hành động để đáp ứng và giúp trẻ vượt qua những rào cản trong học tập. Khi chúng ta cùng nhau làm việc sẽ xây dựng được kế hoạch và phương pháp phối hợp nhằm đưa trẻ tới trường và học tập.

Cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc giảm kì thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS. Theo các chuyên gia, thái độ cởi mở của phụ huynh với trẻ nhiễm HIV/AIDS chỉ có lợi cho chính con em họ.

Để giúp trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS có cơ hội tiếp tục học tập, hòa nhập và có tương lai tốt đẹp hơn, cha mẹ trẻ em, nhà trường và cộng đồng cần:

- Đảm bảo rằng trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS cũng như những trẻ em khác đều có các quyền cơ bản được quy định trong Công ước về quyền trẻ em của Liên hợp quốc và Luật Phòng chống HIV/AIDS của Việt Nam.
- Hiểu chính xác và đầy đủ về HIV/AIDS, biết phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS đúng cách, điều đó quan trọng hơn là nhận biết ai là người nhiễm HIV/AIDS.
- Không gây áp lực với nhà trường để ngăn cản trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được cùng học với các trẻ em khác.
- Phối hợp với nhà trường để tuyên truyền giảm kì thị và phân biệt đối xử với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Đấu tranh với các biểu hiện, quan niệm sai lầm về HIV/AIDS và thái độ kì thị, phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS.
- Không đổ lỗi, buộc tội trẻ em về các hành vi của cha mẹ hay người thân của các em.
- Trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS không phải chịu trách nhiệm cho bất kì hành vi nào của cha mẹ hay người thân.
- Tôn trọng và bảo mật thông tin của người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Tham gia, tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng.

1.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Thảo luận những "rào cản" đối với việc tiếp cận giáo dục của trẻ nhiễm HIV.*
- Vẽ những vòng tròn đồng tâm để trình bày những lĩnh vực khác nhau trong cuộc đời một đứa trẻ, và viết tên cho mỗi vòng tròn (*đứa trẻ, gia đình, trường/lớp, cộng đồng*).



- Chia học viên thành các nhóm thảo luận và dán các tấm giấy nhỏ ghi “nguyên nhân” vào bảng mẫu, suy nghĩ xem những nguyên nhân cản trở tiếp cận giáo dục xuất phát từ trẻ, gia đình, trường/lớp, hay cộng đồng.
- Các nhóm trình bày các ý kiến thảo luận, những người khác đưa ra câu hỏi và thảo luận những điều giống và khác nhau. Sẽ có một số nguyên nhân trùng lặp “các vòng tròn” do mỗi lĩnh vực của cuộc đời một đứa trẻ đều có tác động tới những lĩnh vực khác
- * *Nhiệm vụ 2: Thảo luận về việc cần làm để giúp trẻ nhiễm HIV/AIDS hòa nhập.*
- Thảo luận xem chúng ta có thể làm gì để giúp trẻ nhiễm HIV/AIDS được tiếp cận giáo dục hòa nhập.
- Viết kết quả thảo luận vào phiếu thực hành 3.1.

Phiếu thực hành 3.1

Môi trường	Những việc cần làm
<i>Gia đình trẻ</i>	
<i>Trường/lớp</i>	
<i>Cộng đồng</i>	

- Yêu cầu mỗi nhóm trình bày các kết quả thảo luận. Khuyến khích học viên khác đưa ra câu hỏi và những ý kiến khác.

1.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những rào cản đối với việc hòa nhập trẻ nhiễm HIV/AIDS.

Câu hỏi 2: Phân tích nguyên nhân cản trở việc giáo dục hòa nhập trẻ nhiễm HIV/AIDS và các biện pháp tháo gỡ.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về trẻ có HIV và hòa nhập trẻ có HIV

2.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

Một số hiểu biết cần thiết cho giáo viên về trẻ nhiễm HIV và hòa nhập trẻ nhiễm HIV:

- Chăm sóc giáo dục phù hợp sẽ giúp trẻ nhiễm HIV phát triển tốt:

Nhiều người cho rằng trẻ nhiễm HIV luôn bị ốm đau và không sống quá 2 – 3 tuổi. Trên thực tế, nhiều trẻ nhiễm HIV không khỏe mạnh và hay bị ốm là do không được chăm sóc và điều trị thích hợp. Tuy nhiên, sử dụng thuốc kháng HIV (ARV) sẽ giúp trẻ nhiễm HIV khỏe mạnh, có khả năng học tập, phát triển và có cuộc sống bình thường như những trẻ em khác.

Sử dụng thuốc kháng HIV (ARV) có tác dụng làm giảm số lượng HIV trong cơ thể. Vì vậy, giúp tăng cường khả năng miễn dịch của trẻ, trẻ sẽ có khả năng đề kháng với các nhiễm trùng cơ hội, ít ốm đau và có sức khỏe tốt hơn. Tuy vậy, không phải tất cả trẻ nhiễm HIV đều phải sử dụng thuốc kháng HIV (ARV). Chỉ sử dụng thuốc kháng HIV (ARV) cho trẻ nhiễm HIV khi được sự hướng dẫn của ngành y tế.

Nếu được chăm sóc giáo dục phù hợp, trẻ nhiễm HIV có thể phát triển tốt về thể chất, tâm lý, trí tuệ, trẻ có thể học tập, phát triển và sống bình thường như các trẻ em khác.

Chăm sóc giáo dục và không kì thị với trẻ nhiễm HIV là thực hiện Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Luật Phòng chống HIV/AIDS của Việt Nam.

- Tiếp xúc thông thường với trẻ nhiễm HIV không bị lây nhiễm HIV:

Rất nhiều người lo lắng về nguy cơ trẻ bị lây nhiễm HIV qua cào cấu hoặc cắn nhau (trẻ nhiễm HIV cắn trẻ không nhiễm HIV hoặc ngược lại). Đối với những trẻ bị nhiễm HIV mà các cháu lành lặn và không có tổn thương gì, không xây sứt ngoài da thì không thể lây được qua những tiếp xúc thông thường. Trên thực tế, HIV không lây truyền qua tiếp xúc thông

thường và cho tới nay cũng chưa có báo cáo nghiên cứu nào về lây nhiễm HIV do bị cào cấu hoặc bị cắn gây ra. HIV xâm nhập vào cơ thể phụ thuộc vào 3 yếu tố sau:

- + Lượng HIV có trong máu và dịch tiết của cơ thể, trong đó HIV có nhiều trong máu, tinh dịch, dịch âm đạo, sữa mẹ. Trong nước bọt, nước mắt, mồ hôi, nước tiểu chứa rất ít HIV. Tuy nhiên, nếu các dịch này lẫn máu có nhiều HIV thì vẫn có thể lây truyền HIV.
- + HIV khó có thể tồn tại ngoài cơ thể con người và dễ bị tiêu diệt bởi các yếu tố như nhiệt độ, ánh sáng, tính axit hoặc tính kiềm cao của môi trường.
- + HIV có thể xâm nhập vào cơ thể qua các vết sây sát, vết thương của da và niêm mạc khi các vết sây sát và vết thương này đang chảy máu và có tiếp xúc với máu, dịch tiết của cơ thể có HIV.

Như vậy, khi học tập, vui chơi, giải trí, sử dụng đồ dùng học tập với trẻ em nhiễm HIV không có nguy cơ lây nhiễm HIV vì không thuộc ba yếu tố gây lây nhiễm HIV nói trên.

- Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS không phải là lí do để tách biệt trẻ nhiễm HIV với các trẻ em khác.

Nhiều người cho rằng trẻ em nhiễm HIV cần được tách riêng trong trường học, lớp học, nơi vui chơi và nơi ở để không lây truyền HIV cho các trẻ em khác. Tách riêng trẻ nhiễm HIV không phòng được lây nhiễm HIV cho những trẻ em khác mà làm tổn thương tinh thần, tình cảm của trẻ nhiễm HIV.

HIV không lây qua tiếp xúc thông thường, do vậy không cần tách biệt trẻ nhiễm HIV tại các trường học, lớp học, nơi vui chơi hoặc nơi ở. Sự tách biệt này gây nên sự kì thị với trẻ em nhiễm HIV vì mọi người sẽ biết trẻ học trong trường học, lớp học hoặc ở nơi dành riêng đó là những trẻ em nhiễm HIV.

Những trẻ bị HIV mà nhà trường biết chỉ là một bộ phận rất nhỏ trong số hàng ngàn trẻ nhiễm HIV ở nước ta. Nhiều em nhiễm HIV nhưng vẫn đi học bình thường ở trường mà không ai biết. Việc chúng ta cởi mở với người nhiễm HIV sẽ giúp số người nhiễm HIV đủ can đảm tự nói ra ngày càng nhiều. Điều này khiến việc phòng lây nhiễm tốt hơn.

2.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Chia sẻ nhận thức về trẻ nhiễm HIV.*
- Học viên viết những nhận thức của bạn về trẻ có HIV vào phiếu thực hành 3.2.

Phiếu thực hành 3.2
NHỮNG TRẺ TÔI ĐÃ GẶP
Tôi đã từng gặp một số trẻ nhiễm HIV, các em là:
Tôi đã từng đọc sách báo hay xem phim ảnh về trẻ nhiễm HIV, các em là:

HIỂU BIẾT CỦA TÔI VỀ TRẺ NHIỄM HIV VÀ NGƯỜI NHIỄM HIV

DỰ ĐOÁN CỦA TÔI VỀ TRẺ NHIỄM HIV

Dựa trên những điều đã biết, tôi cho rằng trẻ nhiễm HIV.....

Thảo luận về lí do bạn ủng hộ cho việc hòa nhập trẻ nhiễm HIV và những vấn đề băn khoăn của bạn.

Các học viên tự giải đáp lẫn nhau về các vấn đề còn băn khoăn từ góc độ khoa học và pháp lí.

* *Nhiệm vụ 2: Xác định những nhận thức đúng đắn về trẻ nhiễm HIV và hòa nhập trẻ nhiễm HIV.*

- Đọc phần thông tin cho hoạt động 2.
- Chỉ ra những cơ sở khoa học cho việc chăm sóc giáo dục và hòa nhập trẻ có HIV.

2.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Phân tích sự cần thiết của việc chăm sóc và giáo dục hòa nhập trẻ nhiễm HIV.

Câu hỏi 2: Trình bày những cơ sở khoa học để khẳng định tiếp xúc thông thường không có nguy cơ lây nhiễm HIV.

Hoạt động 3: Xác định các biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ có HIV

3.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

* *Tạo môi trường giáo dục:*

- Sự hiểu biết, tình thương của giáo viên và những người xung quanh dành cho trẻ nhiễm HIV là vô cùng quan trọng, đặc biệt là những trẻ đã mất cha mẹ. Do vậy, cần có thái độ đối xử với trẻ thân thiện, thương yêu trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.

- Sự kì thị vẫn là rào cản tâm lí lớn nhất đối với trẻ nhiễm HIV khi tham gia vào lớp hòa nhập. Tránh sự kì thị, phân biệt đối xử với trẻ nhiễm HIV một cách vô tình hoặc cố ý.
- Ngoài ra môi trường học tập, các nguyên vật liệu cho trẻ hoạt động cần đảm bảo sự an toàn về mặt thể chất cho trẻ như tránh sử dụng các vật sắc nhọn có thể xây xước, chảy máu.
- * *Chăm sóc thể chất cho trẻ:*
 - Do hệ thống miễn dịch đã bị suy giảm, nên trẻ nhiễm HIV không chỉ mắc các bệnh thông thường của trẻ em cùng lứa tuổi, mà còn mắc các bệnh nhiễm trùng cơ hội vì vậy cần vệ sinh cho trẻ và giáo dục cho trẻ các thói quen vệ sinh.
 - Đảm bảo bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng và hợp vệ sinh, giúp trẻ có chế độ nghỉ ngơi, sinh hoạt hợp lí.
 - Phát hiện và xử trí kịp thời các dấu hiệu bất thường mà trẻ gặp phải, trẻ đang uống thuốc thì cần tuân thủ theo chỉ dẫn của bác sĩ.
- * *Phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS khi chăm sóc trẻ:*
 - Nếu trẻ bị chấn thương, có chảy máu cần rửa vết thương, băng kín, cầm máu để hạn chế nguy cơ bệnh tật. Khi cần thiết nên đưa trẻ đến cơ sở y tế để được xử lí thêm.
 - Không để trẻ dùng chung khăn tắm, khăn mặt, bông tắm, bàn chải đánh răng, cái nạo lưỡi.
 - Thường xuyên lau chùi, cọ rửa nhà tắm, nhà vệ sinh bằng xà phòng và nước sát trùng. Thu rác và đổ bồn có dính máu hay chất thải của trẻ vào túi nilon bỏ vào thùng rác.
 - Nếu tổn thương xuyên qua da: như bị kim tiêm đâm, hoặc bị đứt tay chảy máu hoặc vùng da có tổn thương từ trước (do bỏng, viêm da...) bị chất dịch, máu của người nhiễm HIV/AIDS bắn vào cần:
 - + Xối vết thương dưới vòi nước ngay lập tức, càng sớm càng tốt.
 - + Có thể để vết thương tự chảy máu trong thời gian ngắn, tùy theo mức độ xây xước. Sau đó rửa bằng xà phòng và nước sạch nhưng không kì cọ.
 - Nếu máu hoặc chất dịch của người nhiễm HIV/AIDS bắn vào mắt, mũi, miệng:

- + Hãy nhỏ mắt, mũi liên tục trong 5 phút bằng nước đun sôi để nguội có sẵn hoặc dung dịch NaCl 0,9% có bán sẵn tại các hiệu thuốc.
- + Riêng với miệng thì hãy súc miệng bằng nước sạch pha một ít muối ăn, súc nhiều lần.
- * *Hỗ trợ khi tổ chức hoạt động:*
 - Cần giáo dục trẻ không chơi trò chơi bạo lực, trò chơi có nguy cơ gây chấn thương, không đánh nhau cũng như không cắn nhau.
 - Đối xử công bằng với tất cả trẻ em, tạo cơ hội cho trẻ thành công và tự tin hơn trong các nhiệm vụ được giao.
 - Giúp cho tất cả trẻ em trong lớp có các kĩ năng cơ bản để đảm bảo an toàn.

3.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Xác định các biện pháp hỗ trợ trẻ nhiễm HIV ở trường mầm non.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 3.
 - Xác định các biện pháp hỗ trợ trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ nhiễm HIV/AIDS.
- * *Nhiệm vụ 2: Thực hành một số biện pháp hỗ trợ trẻ nhiễm HIV.*
 - Các nhóm đóng vai cô giáo trong lớp học cùng với trẻ tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ nhiễm HIV.
 - Thảo luận về các biện pháp hỗ trợ trẻ.
 - Đóng vai, mô phỏng các biện pháp thực hiện.

3.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Trình bày những biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ nhiễm HIV.

Câu hỏi 2: Nhận xét khả năng thực hiện các biện pháp trên tại trường/lớp mà mình công tác.

Nội dung 4

CHĂM SÓC – GIÁO DỤC TRẺ CÓ NĂNG KHIẾU (TRẺ PHÁT TRIỂN SỚM, TRẺ TÀI NĂNG) (3 tiết)

Hoạt động 1: xác định điểm mạnh và điểm yếu trong học tập của trẻ có năng khiếu

1.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

- Khi chăm sóc giáo dục trẻ có năng khiếu, chúng ta cần xem xét cả những đặc điểm tích cực và tiêu cực của trẻ.
- Trẻ em mầm non có năng khiếu có thể có nhiều khác biệt với các trẻ cùng độ tuổi về cách trẻ nghĩ và cảm nhận nhưng không phải hoàn toàn khác biệt. Những điểm tích cực hỗ trợ tốt cho việc học của trẻ có năng khiếu cũng như giúp cho giáo viên cảm thấy hứng thú hơn khi làm việc với những trẻ này bao gồm:
 - + Sự tò mò: Trẻ có năng khiếu thường rất tò mò về những điều xảy ra xung quanh như thế nào, trẻ quan tâm đến việc học những điều mới và thường có rất nhiều câu hỏi như "Tại sao?" và "Tại sao không?".
 - + Khả năng ghi nhớ: bao gồm khả năng tìm hiểu và lưu giữ thông tin một cách nhanh chóng, trẻ nhớ những gì đã xảy ra một thời gian dài trước đó, tận hưởng sự thú vị với các thông tin đó.
 - + Tốc độ học: Trẻ có thể nắm bắt ý tưởng một cách nhanh chóng và có thể sử dụng chúng trong những tình huống mới. Trẻ cũng sẽ hoàn thành các nhiệm vụ được giao nhanh chóng và quan tâm đến nhiều điều khác nữa.
 - + Chú ý: Trẻ có thể duy trì sự chú ý trong thời gian dài của thời gian vào những thứ mà trẻ quan tâm.
 - + Suy luận: Hiểu được nguyên nhân và hậu quả, kết nối được các thông tin, ý tưởng và các sự kiện khác nhau.
 - + Giao tiếp: Có rất nhiều ý tưởng và giải pháp cho các vấn đề.
 - + Ngôn ngữ: Trẻ có thể sử dụng nhiều hơn các từ và cụm từ so với các trẻ em khác của cùng độ tuổi, có thể bắt đầu nói và hiểu ngôn ngữ ở độ tuổi sớm.
 - + Khiếu hài hước: Nhanh chóng hiểu được câu chuyện cười và câu đố; có thể tạo ra sự hài hước của riêng mình.

- + Sự kiên trì: Trẻ kiên trì trong việc hoàn thành nhiệm vụ, có thể có một ý thức mạnh mẽ về những điều đúng và sai.
- + Độ nhạy cảm: Có thể nhạy cảm với cảm xúc của người khác, dễ buồn, dễ vui.
- Trẻ có năng khiếu cũng thể hiện một số điểm yếu có thể gây khó khăn cho việc chăm sóc giáo dục cho những trẻ này bao gồm:
 - + Thất vọng về những kĩ năng của bản thân: Trẻ có thể thất vọng khi phát triển thể chất của chúng không bắt kịp với trí tuệ. Ví dụ, trẻ có thể nghĩ đến một hình ảnh nhưng không thể kiểm soát được bút chì để vẽ nó.
 - + Trẻ có thể dễ dàng trở nên buồn chán trong lớp học dẫn đến việc chúng thể gây rối cho các bạn khác.
 - + Các trẻ này cũng rất yếu ớt về tâm lí vì quá nhạy cảm. Điều đó khiến trẻ lo lắng, thậm chí dễ trầm cảm hơn các trẻ khác.
 - + Trẻ phát triển trí tuệ sớm có một sự chênh lệch nhất định về trí tuệ so với những bé cùng tuổi, nên thường dễ bị cô lập.
 - + Một số trẻ có thể thất vọng khi đến trường vì trường học không đáp ứng được các mong mỏi của trẻ. Trẻ bắt đầu quấy phá ở lớp hay ngược lại, thờ ơ.
 - + Trẻ có năng khiếu đặc biệt cũng có những rối loạn tương tự như các trẻ khác chỉ có điều rất khó phát hiện. Các rối loạn đó thường không được cha mẹ cũng như giáo viên chấp nhận do bị ám ảnh bởi ý nghĩ “đó là có năng khiếu đặc biệt”. Điều đó tạo áp lực lên trẻ buộc chúng che đậy các khó khăn ấy và chỉ được phát hiện rất lâu sau đó.
 - + Trẻ phát triển trí tuệ sớm thường cảm thấy thầy cô giáo và bạn bè cùng tuổi không thông cảm với chúng. Chính vì thế, chúng thường rất buồn và rất khó thiết lập các mối quan hệ với những người xung quanh.

1.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Thảo luận theo nhóm về trường hợp trẻ có năng khiếu mà học viên đã từng gặp hoặc làm việc.*
 - Mô tả một trường hợp trẻ mà bạn cho là trẻ có năng khiếu.
 - Thảo luận cùng cả nhóm và ghi lại những khả năng nổi trội và khó khăn của trẻ vào phiếu thực hành 4.1.

Phiếu thực hành 4.1

Mô tả trẻ có năng khiếu	
Họ tên trẻ:	
Độ tuổi:	
Khả năng nổi trội	Khó khăn

- Chia sẻ ý kiến với các nhóm khác.
- * *Nhiệm vụ 2: Xác định những điểm mạnh và điểm yếu của trẻ có năng khiếu.*
- Đọc phần thông tin cho hoạt động 1.
- Chỉ ra những điểm mạnh và điểm yếu của trẻ có năng khiếu.

1.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những khả năng và khó khăn của trẻ có năng khiếu.

Câu hỏi 2: Rút ra các kết luận su phạm cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ có năng khiếu.

Hoạt động 2: Chăm sóc – giáo dục trẻ có năng khiếu

2.1. THÔNG TIN CHO HOẠT ĐỘNG

Trường học luôn có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu giáo dục cho tất cả trẻ em. Đối với những trẻ có năng khiếu và tài năng, điều này bao gồm việc cung cấp những thách thức lớn hơn thông qua tổ chức môi trường giáo dục cũng như các hoạt động nhằm tạo cơ hội cho các em phát triển các tiềm năng của mình.

- *Môi trường học tập:*
- + Trẻ em có năng khiếu ở độ tuổi mầm non cần được tiếp xúc với những tình huống, hoàn cảnh cho phép trẻ phát triển với tốc độ của riêng mình.

Do vậy, trẻ cần được hoạt động trong một môi trường linh hoạt, cho phép trẻ lựa chọn các hoạt động với độ phức tạp khác nhau và đa dạng nguyên vật liệu, phương tiện cho trẻ hoạt động.

- + Cần cung cấp cho trẻ các đồ chơi, đồ dùng học tập có các mức độ phức tạp khác nhau mà không chỉ là các vật liệu phù hợp với độ tuổi của trẻ.
- + Tạo môi trường học tập thoải mái, vui vẻ, thân thiện với tất cả trẻ em. Phân nhóm linh hoạt để cho phép trẻ tìm được mức độ nhận thức thích hợp với chúng và cũng tiếp xúc với những thách thức về thể chất và xã hội trong các nhóm hoạt động khác nhau.
- *Tổ chức hoạt động giáo dục:*
- + Có kế hoạch giáo dục uyển chuyển, phong phú và phù hợp là rất cần thiết cho việc tổ chức hoạt động giáo dục trong lớp mẫu giáo có trẻ có năng khiếu. Giáo viên cần phải nhạy bén với sự chín chắn về trí tuệ hay tài năng đặc biệt của trẻ bởi chính chúng không hề nhận biết được điều đó.
- + Để tránh có những đặc điểm tiêu cực trong lớp, bên cạnh hoạt động chung cho cả lớp, giáo viên cần thiết kế thêm một số hoạt động phù hợp hơn với trẻ có năng khiếu hoặc yêu cầu trẻ làm những việc hỗ trợ giáo viên và bạn bè. Giữ cho trẻ bận rộn để tránh sự nhàm chán cho chúng và giáo viên sẽ tìm thấy sự thú vị trong việc tổ chức hoạt động cho các trẻ có năng khiếu.
- + Trong quá trình tổ chức hoạt động nên tạo cơ hội cho trẻ có năng khiếu được sử dụng vốn từ vựng tiên tiến, những ý tưởng sáng tạo và giúp trẻ khám phá nhiều vật liệu, tài liệu học tập khác. Một số trẻ em trưởng thành về mặt cảm xúc có thể thích được tìm hiểu về những vấn đề xã hội phức tạp, giáo viên hãy giúp trẻ thỏa mãn nhu cầu này thông qua các hoạt động trong giờ hoạt động tự do.
- + Trẻ có năng khiếu cũng có thể thể hiện những hiểu biết rộng hơn và có thể giáo viên sẽ có được một cảm giác tuyệt vời khi sự hài hước của trẻ vượt ra ngoài độ tuổi của chúng. Song giáo viên cũng cần biết giới hạn việc mở rộng ý tưởng, nội dung hoạt động để nó không đi quá xa so với nhận thức chung của nhiều trẻ em khác.
- + Khen ngợi là một biện pháp được sử dụng phổ biến trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ em mẫu giáo. Khen ngợi khuyến khích trẻ có năng khiếu học tập và sáng tạo song cũng cần giúp cho tất cả trẻ khác trong lớp cảm nhận được giá trị của bản thân và không tạo ra sự ghen tị giữa các trẻ em.

- + Các trẻ có năng khiếu rất nhạy cảm với cảm xúc của những người xung quanh và biết cách thể hiện bản thân rất tốt. Điều này có thể làm các trẻ khác thể hiện mình khó khăn hơn. Đôi khi, các trẻ khác có thể có cảm giác là trẻ có năng khiếu dường như đã biết tất cả và cũng có thể thấy trẻ có năng khiếu như là một người hống hách. Vì vậy, thông qua các hoạt động, giáo viên hãy giúp cho các trẻ có năng khiếu biết lắng nghe những suy nghĩ của người khác. Điều này sẽ giúp trẻ dễ dàng tạo ra và duy trì các mối quan hệ bạn bè trong lớp học.
- + Trẻ năng khiếu cũng có sự tiến bộ khác nhau trong các lĩnh vực phát triển. Một đứa trẻ có thể trưởng thành nhanh chóng trong lĩnh vực vận động nhưng có thể chậm hơn trẻ khác trong nhận thức. Do vậy nhà giáo dục không nên quá kì vọng vào sự phát triển vượt trội của trẻ ở tất cả các lĩnh vực.

2.2. CÁC NHIỆM VỤ

- * *Nhiệm vụ 1: Chia sẻ kinh nghiệm về những thách thức khi chăm sóc giáo dục trẻ có năng khiếu.*
 - Thảo luận trong nhóm nhỏ về những thách thức khi chăm sóc giáo dục trẻ có năng khiếu, điều gì làm cho bạn thích thú, điều gì làm bạn khó chịu.
 - Chia sẻ các ý tưởng giúp bạn vượt qua các thách thức đó.
- * *Nhiệm vụ 2: Xác định các biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ có năng khiếu.*
 - Đọc phần thông tin cho hoạt động 2.
 - Xác định các biện pháp phát huy khả năng và hỗ trợ trẻ có năng khiếu trong quá trình chăm sóc giáo dục.
- * *Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ có năng khiếu.*
 - Các nhóm đóng vai cô giáo trong lớp học cùng với trẻ tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho lớp mẫu giáo có trẻ có năng khiếu.
 - Thảo luận về các biện pháp phát huy khả năng và hỗ trợ trẻ có năng khiếu.
 - Đóng vai, mô phỏng các biện pháp thực hiện.

2.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Câu hỏi 1: Nêu tóm tắt những thách thức của giáo viên khi chăm sóc – giáo dục trẻ có năng khiếu.

Câu hỏi 2: Phân tích các biện pháp phát huy khả năng và hỗ trợ trẻ có năng khiếu trong quá trình chăm sóc – giáo dục.



E. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu hỏi 1: Tại sao cần tìm hiểu đặc điểm của từng trẻ em trong quá trình chăm sóc– giáo dục? Sự đa dạng của trẻ em thể hiện ở những khía cạnh nào?

Câu hỏi 2: Khi thiết kế môi trường học tập ở lớp học hoà nhập có trẻ có nhu cầu đặc biệt, giáo viên cần lưu ý đến các yếu tố nào? Lấy ví dụ về những điều chỉnh của môi trường học tập cho một trường hợp trẻ có nhu cầu đặc biệt cụ thể.

Câu hỏi 3: Khuyết tật có ảnh hưởng gì đến sự phát triển của trẻ ở độ tuổi mầm non? Từ đó rút ra những lưu ý đối với giáo viên khi làm việc với trẻ khuyết tật.

Câu hỏi 4: Nêu những thách thức và giải pháp cho giáo dục hoà nhập trẻ nhiễm HIV hiện nay, liên hệ thực tiễn địa phương mình công tác.

Câu hỏi 5: Giáo viên cần thực hiện các biện pháp nào để hỗ trợ cho trẻ có năng khiếu khi tổ chức hoạt động cho trẻ trong lớp hoà nhập ở trường mầm non?



F. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, 2009.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sự thật về trẻ em và HIV/AIDS*, NXB Thông tấn, 2010.
3. Khu Thị Khánh Dung (Chủ biên), *Sổ tay hướng dẫn chăm sóc trẻ nhiễm HIV/AIDS*.
4. *Hiểu và đáp ứng nhu cầu đặc biệt trong lớp hoà nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
5. Sandy Niemann, Devorah Greenstein, Darlena David, *Giúp đỡ trẻ điếc*, Tài liệu dịch, NXB Lao động– Xã hội, 2006.
6. Richard M. G & Jennifer K., *Young Children with Special needs*, Delmar Publishers, 2000.

7. Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành, *Cần thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật bẩm non*, NXB Giáo dục, 2005.
8. Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*, NXB Đại học Sư phạm, 2005.
9. Nguyễn Thị Hoàng Yến (Chủ biên), *Nhập môn giáo dục đặc biệt*, NXB Đại học Sư phạm, 2011.